



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH
XNK DỊCH VỤ & ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
(TANIMEX)



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN
NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH NĂM 2020

TP.HCM,

Ngày 14 tháng 1 năm 2020



CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ & ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX)
Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, P.9, Q.Tân Bình, Tp.HCM
ĐT: (84-028) 3 8686 377 - (84-028) 3 8686.378; Fax: (84-028) 3 8642 060
Email: tanimex@tanimex.com.vn; website: www.tanimex.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

*Thời gian: 09:30 ngày 14 tháng 1 năm 2021
Địa điểm: khách sạn Eastin Grand Hotel Sai Gon*

STT	Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
1	08:30-09:30	Kiểm tra tư cách cổ đông	Ban Lễ Tân
2	9:30-9:35	Khai mạc đại hội; Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	Ông Võ Chí Thanh
3	9:35-9:45	Báo cáo của Ban Điều Hành về kết quả SXKD NĐTC năm 2020	Ông Nguyễn Đình Minh Triết – Phó TGD
4	9:45-10:15	Các Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị: 1/ Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị năm 2020; 2/ Tờ trình phương án Phân phối lợi nhuận năm 2020 3/ Kế hoạch SXKD năm 2021 4/ Tờ trình phê duyệt ngân sách thù lao HĐQT năm 2021.	Ông Trần Quang Trường – Phó chủ tịch HĐQT
5	10:15-10:25	Tờ trình về việc chỉnh sửa: - Điều lệ công ty - Quy chế nội bộ về Quản Trị công ty	Bà Hà Thị Thu Thảo
6	10:25-10:50	Đại hội thảo luận và tiến hành biểu quyết thông qua các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021	HĐQT chủ trì
7	10:50-10:55	Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	Thư ký Đại hội
	11:00	Bế mạc Đại hội	



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2020

(Từ 01/10/2019 đến 30/9/2020)



I. TỔNG QUÁT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĐTC:

1. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SX KINH DOANH:

1.1. DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN:

STT	Diễn giải	Kế hoạch 2020	Thực Hiện Năm 2020	So sánh TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	225.100.000.000	219.590.494.170	97,6%
2	Tổng chi phí	125.100.000.000	113.358.116.396	90,6%
3	Lợi nhuận trước thuế	100.000.000.000	106.232.377.774	106,2%
4	Lợi nhuận sau thuế	80.900.000.000	87.388.486.493	108,0%

Phân tích:

- Tổng doanh thu năm 2020 thực hiện chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra (chỉ tương ứng 97,6%), tuy nhiên Lợi nhuận sau thuế năm nay đạt 108% so với kế hoạch đề ra, nguyên nhân chủ yếu như sau:
 - Về Doanh thu: năm 2020 đại dịch Covid-19 đã tác động không nhỏ đến nền kinh tế nước ta, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất- dịch vụ vừa và nhỏ; trong niên độ tài chính 2020, công ty Tanimex đã thực hiện việc giảm giá cho thuê kho xưởng tại KCN Tân Bình cho hàng loạt các khách hàng đang gặp khó khăn, điều này dẫn đến doanh thu cho thuê kho giảm trên 10 tỷ đồng.
 - Lợi nhuận sau thuế thực hiện vượt kế hoạch đến từ 02 yếu tố:
 - + Doanh thu hoạt động tài chính đạt hiệu quả do cơ cấu lại nguồn thu đầu tư tài chính và thu lợi nhuận từ hoạt động đầu tư vốn tại các công ty liên kết, tăng cổ tức được chia;
 - + Kiểm soát tốt chi phí: trong tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, công ty đã áp dụng nhiều giải pháp triệt để giảm chi phí quản lý, tiết kiệm chi phí hoạt động chung so với kế hoạch.

1.2. TÌNH HÌNH TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN:

Diễn giải	Cuối kỳ	Đầu kỳ	So sánh cuối kỳ/đầu kỳ (%)
TÀI SẢN	1.141.886.970.588	1.141.130.750.624	100,1%
Tài sản ngắn hạn	301.438.821.576	441.718.928.973	68,2%
Tài sản dài hạn	840.448.149.012	699.411.821.651	120,2%
NGUỒN VỐN	1.141.886.970.588	1.141.130.750.624	100,1%
Nợ phải trả	369.698.060.532	357.014.935.735	103,6%
Vốn chủ sở hữu	772.188.910.056	784.115.814.889	98,5%

- Trong năm qua, do chưa triển khai đầu tư các dự án mới nên tình hình tổng tài sản và nguồn vốn tại thời điểm 30/9/2020 không thay đổi nhiều so với đầu kỳ

2. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ NỘI LỰC CÔNG TY:

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH	Năm trước	Năm nay
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	4,21	3,61
+ Hệ số thanh toán nhanh	3,16	3,59
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	31,29%	32,38%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	45,53%	47,88%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho	0,58	0,88
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,22	0,16
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	44,87%	48,02%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	13,70%	11,32%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	9,96%	7,65%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DT thuần	55,98%	57,80%

3. KẾT QUẢ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH:



Trong niên độ tài chính 2020, các hoạt động kinh doanh chủ yếu và thường xuyên của công ty được triển khai đồng bộ, hiệu quả như kế hoạch năm đã đề ra, cụ thể như sau:

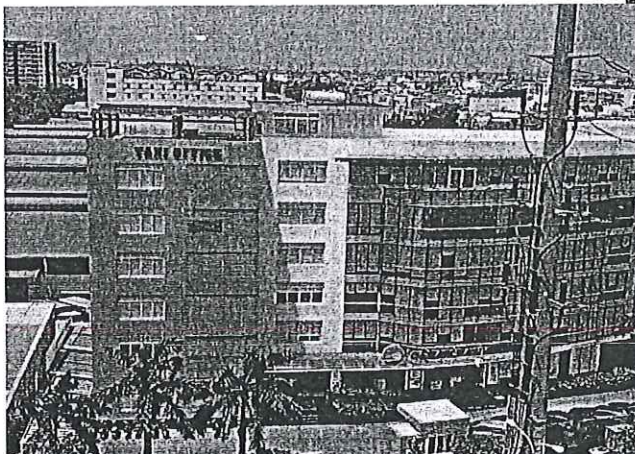
3.1. Hoạt động kinh doanh hạ tầng KCN

KCN Tân Bình luôn đảm bảo nhiệm vụ của công ty là duy tu cơ sở hạ tầng, tuân thủ vấn đề xử lý nước thải và môi trường và công tác bảo vệ an ninh trật tự và an toàn PCCC cho các doanh nghiệp đang hoạt động tại KCN.

3.2. Hoạt động kinh doanh cho thuê nhà xưởng:

- Tiếp tục việc quản lý và kinh doanh hệ thống nhà xưởng tại 02 khu công nghiệp với tổng cộng 24 cụm kho và tổng Diện tích kinh doanh là 110.877 m²
- Ngoài hệ thống kho xưởng, loại hình kho xưởng mới 05 tầng kết hợp nhà xe cũng đã đưa vào kinh doanh lấp đầy 02 khu với tổng diện tích 14.100 m²

3.3. Hoạt động kinh doanh cho thuê cao ốc, văn phòng: hai tòa cao ốc Tanioffice 05 tầng của công ty tại KCN Tân Bình đã kinh doanh cho thuê lấp đầy, ngoài ra công ty còn có thêm doanh thu từ một số mặt bằng khác.

Tòa nhà Lê Trọng Tấn	Tòa nhà Tanioffice KCN TB
	

4. KẾT QUẢ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH:

Từ nhiều năm qua, mục tiêu của công ty là mở rộng hoạt động đầu tư tài chính thông qua các hình thức đầu tư vốn vào các công ty liên doanh, liên kết và đầu tư tài chính thuần túy như mua cổ phiếu, trái phiếu. Tổng số vốn đầu tư trong hoạt động này đến nay là 239,764 tỷ đồng, bao gồm các nhóm đầu tư cụ thể như sau:

4.1- Đầu tư vốn tại các công ty liên kết đang hoạt động:

a/ Biến động trong hoạt động đầu tư vốn năm 2020

- Thoái vốn 100% công ty CP Cơ Khí Xây Dựng Tân Bình Tanimex (Tanicons)
- Đầu tư vốn vào công ty CP Dịch Vụ Hưng Phát hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và cho thuê kho xưởng, tỷ lệ đầu tư vốn là 19% VDL

b/ Báo cáo tình hình thay đổi tỷ lệ sở hữu đối với các đơn vị Tanimex có tham gia quản lý điều hành, cụ thể như sau:

STT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ	TĂNG/GIẢM TỶ LỆ SỞ HỮU (%)		GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (theo mệnh giá)	
			30/09/2019	30/09/2020	SL	Thành tiền
1	Taniservice	80.000.000.000	23,00%	22,14%	1.771.000	17.710.000.000
2	Thịnh Phát	30.000.000.000	48,33%	48,33%	1.450.000	14.500.000.000
3	Hưng Phát	30.000.000.000	0,00%	19,00%	570.000	5.700.000.000
4	Minh Phát	60.000.000.000	23,00%	23,00%	1.380.000	13.800.000.000
5	Tân Phú	30.000.000.000	49,00%	49,00%	1.470.000	14.700.000.000
6	Trí Đức	30.000.000.000	40,25%	23,00%	690.000	6.900.000.000
7	Đức Nhân	40.000.000.000	30,00%	45,00%	1.800.000	18.000.000.000
8	Logistics Nam SG	50.000.000.000	49,00%	49,00%	2.450.000	24.500.000.000
	TỔNG CỘNG	-	-	-		115.810.000.000

c/ Báo cáo tình hình thay đổi tỷ lệ sở hữu đối với các đơn vị chỉ đầu tư tài chính, Tanimex không tham gia điều hành:

STT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ	TĂNG/GIẢM TỶ LỆ SỞ HỮU (%)		GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (theo mệnh giá)	
			30/09/2019	30/09/2020	Số lượng CP	Thành tiền
1	Nam Trung Bộ	64.045.600.000	18,74%	18,74%	1.200.000	12.000.000.000
2	ITL Logistic	12.675.000.000	15,00%	15,00%	190.125	1.901.250.000
3	Kiến Đức	55.000.000.000	23,00%	24,28%	1.335.278	13.352.780.000
4	Việt Phát	50.000.000.000	35,00%	35,00%	1.750.000	17.500.000.000
5	Giá Trị	20.000.000.000	49,00%	19,50%	390.000	3.900.000.000
	TỔNG CỘNG	-	-	-		48.654.030.000

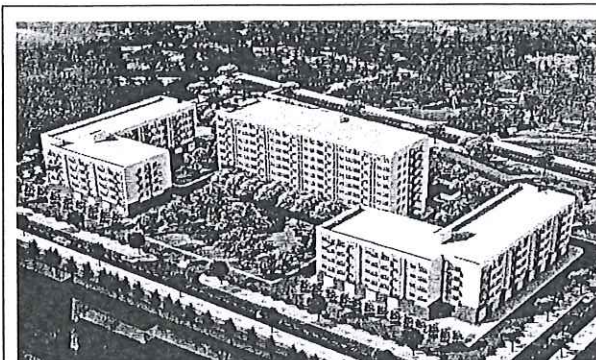
d/ Cổ tức thu được từ hoạt động đầu tư vốn: năm 2020 có 09 đơn vị (trên tổng số 13 đơn vị đã đầu tư vốn) thực hiện chia cổ tức với tổng số tiền thu được là 14.861.472.000 đồng, tương đương tỷ lệ lãi bình quân là 7,5%/mệnh giá cổ phiếu

4.2. Đầu tư trái phiếu:

Stt	Loại trái phiếu	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (30/9/2020)		TRÁI TỨC	
		Mệnh giá	Thành tiền	%	Thành tiền
1	Trái phiếu Công ty Minh Phát			8,0%	800.000.000 Đã tất toán 31/12/2019
2	Trái phiếu Ngân hàng BIDV	10.000.000	20.000.000.000		1.620.000.000
3	Trái phiếu Ngân hàng BIDV	1.000.000.000	25.000.000.000		LS cơ bản+0,7%
4	Trái phiếu Ngân hàng VCB	100.000	10.000.000.000		752.500.000
5	Trái phiếu Ngân hàng Công thương	10.000.000	5.300.000.000		LS cơ bản + 1%
6	Trái phiếu công ty Giá Trị	1.000.000	15.000.000.000	7,8%	
	TỔNG CỘNG		75.300.000.000	-	-

5. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN:

5.1. Đối với Dự án Nhà ở XH tại khu công nghiệp Tân Bình II:



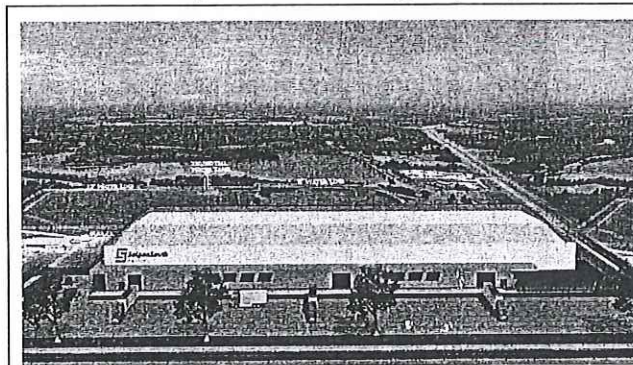
- Quy mô: 9 tầng, diện tích sàn xây dựng 33.073 m²
- Tổng số căn hộ: 329
- Vốn đầu tư dự kiến: 327 tỷ đồng
- Tiến độ: chậm tiến độ do nguyên nhân khách quan và vướng các thủ tục từ phía cơ quan có thẩm quyền

5.2. Đối với Dự án Chung Cư Bình Tân tại KCN Tân Bình II (Milky Way):



- Quy mô: 16 tầng, diện tích sàn xây dựng 201.155m²
- Tổng số căn hộ: 1.960
- Vốn đầu tư dự kiến: 2.452 tỷ đồng
- Tiến độ: chậm tiến độ do nguyên nhân khách quan từ phía cơ quan có thẩm quyền, cần điều chỉnh quy hoạch 1/2000 của KCN TB Mở rộng

5.3. Đối với dự án Kho Long Hậu tại Cần Giuộc , Long An



- Tổng diện tích đất : 38.500 m²
- Vốn đầu tư dự kiến : 235 tỷ
- Tiến độ:do tiến độ giao đất từ phía KCN Long Hậu chậm nên chưa khởi công xây dựng.

6. Báo Cáo về tình hình sử dụng vốn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của năm trước

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018; công ty đã chào bán 3.600.000 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu và các đối tác tiềm năng để bổ sung vốn kinh doanh và thu đủ 90.000.000.000 VND. Mục đích phát hành: Dùng để sử dụng cho dự án Chung cư Bình Tân (Chung cư Milky Way) Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh. Vốn điều lệ đã điều chỉnh tăng lên 300 tỷ đồng và đã điều chỉnh Giấy CNĐKKD.

- Do trong năm 2020 thủ tục pháp lý chưa có tiến triển nên công ty vẫn chưa sử dụng đến số tiền đã thu, tiếp tục gửi ngân hàng có kỳ hạn toàn bộ số tiền 90.000.000.0000 đồng để gia tăng lợi nhuận cho Công ty

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY:

1. Cơ cấu cổ đông:

- Tổng số lượng cổ đông chốt danh sách ngày 25/11/2020 là 301 cổ đông, so với số lượng cùng kỳ NĐTC năm 2019, số lượng cổ đông biến động giảm 03 cổ đông. Thống kê chi tiết cơ cấu cổ đông NĐTC năm 2020 như sau:

Đối tượng	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ	Số Lượng CĐ
1. Trong nước	29.973.146	99,91%	290
1.1 Cá nhân	10.063.012	33,54%	263
1.2 Tổ chức	19.910.134	66,37%	27
2. Nước ngoài	26.854	0,09%	11
2.1 Cá nhân	25.353	0,08%	8
2.2 Tổ chức	1.501	0,01%	3
CỘNG:	30.000.000	100,00%	301

2. Công bố thông tin hoạt động của doanh nghiệp:

- Công ty thực hiện tốt các quy định về công khai, minh bạch hoạt động của DN.
- Trong niên độ tài chính, công ty đã thực hiện công bố 38 báo cáo thông tin tại cổng thông tin điện tử của công ty (www.tanimex.com.vn); Sở GDCK TP.HCM HOSE và UBCKNN trong đó bao gồm các loại thông tin như:
 - + Các báo cáo tài chính hàng quý, năm, báo cáo tài chính đã được kiểm toán và các loại báo cáo giải trình về báo cáo tài chính; các thông tin liên quan đến cổ đông, tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên.v.v.
 - + Các báo cáo quản trị nội bộ hàng quý; 6 tháng và năm; Báo cáo thường niên
 - + Các báo cáo về giao dịch nội bộ; giao dịch của người có liên quan; giao dịch của các thành viên HĐQT và Ban Điều hành

3. Chăm lo đời sống cho người lao động:

a) Tình hình lao động:

Diễn giải	Bình quân năm 2019	Bình quân năm 2020	Biến động trong năm
Tổng số lao động	110	109	-1

b) Chăm lo đời sống cho người lao động:

- Thực hiện tốt các chính sách về bảo hiểm, tiền lương
- Khám sức khỏe tổng quát định kỳ một năm 01 lần cho toàn thể CBCNV
- Tiếp tục triển khai chương trình hỗ trợ cho CBNV vay lãi suất 0% giúp ổn định kinh tế gia đình với nguồn vốn xoay vòng trên 01 tỷ đồng một năm.
- Trao học bổng cho con em CBNV có thành tích học tập với kinh phí năm 2020 là 200 triệu đồng.
- Thưởng cho con em CB-NV đạt thành tích trong học tập: 60 triệu.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 NIÊN ĐỘ TỪ NGÀY 01/10/2019 ĐẾN 30/9/2020

I. BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI MÔ HÌNH CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

- Căn cứ nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/1/2020, từ ngày 08/1/2020 mô hình cơ cấu tổ chức và hoạt động mới của công ty cụ thể gồm :
 - 1/ Đại Hội Đồng Cổ Đông
 - 2/ Hội Đồng Quản Trị
 - Ban Kiểm Toán Nội Bộ trực thuộc HĐQT
 - 3/ Tổng Giám Đốc
- HĐQT công ty đã tiến hành: thành lập Ban Kiểm Toán Nội Bộ và bầu bà Nguyễn Thị Thu Giang – thành viên độc lập HĐQT giữ nhiệm vụ Trưởng Ban và đăng ký thay đổi Điều lệ công ty theo quy định của pháp luật hiện hành

II. CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- Căn cứ nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/1/2020, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2020-2025) đã được Đại hội đồng cổ đông bầu gồm 06 thành viên sau đây:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thành viên Không điều hành	Thành viên Điều hành	Thành viên Độc lập
1	Ông Nguyễn Minh Tâm	Chủ tịch	✓		
2	Ông Trần Quang Trường	Phó chủ tịch		✓ Tổng giám đốc	
3	Bà Trần Thị Thanh Nhân	Thành viên	✓		
4	Bà Nguyễn Thị Thu Giang	Thành viên - Trưởng Ban Kiểm Toán Nội Bộ			✓
5	Ông La Ngọc Thông	Thành viên	✓		
6	Ông Phạm Ngọc Liêm	Thành viên			✓

- Công ty đảm bảo quy định về cơ cấu thành viên độc lập HĐQT chiếm 1/3 trên tổng số HĐQT

III. ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2020:

1. Kết quả kinh doanh năm 2020:

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 bao phủ toàn cầu, nền kinh tế nước ta suy giảm nghiêm trọng đặc biệt là những nhóm ngành nghề bị tác động trực tiếp do dịch bệnh và lệnh phong tỏa, Công ty Tanimex đã chịu sự ảnh hưởng gián tiếp do các đối tác, khách hàng thuê kho xưởng, văn phòng gặp khó khăn trong kinh doanh, công ty đã có chính sách hỗ trợ giảm giá thuê để cùng nhau vượt qua giai đoạn lịch sử này, chính sách này dẫn đến doanh thu trong năm bị sụt giảm.

Kết quả kinh doanh năm 2020 của Tanimex năm nay là khả quan. Tổng doanh thu thực hiện là 219.590.494.170 đồng đạt 97,6% kế hoạch, tuy chưa đạt 100% kế hoạch nhưng bằng nhiều nhóm giải pháp khác nhau trong công tác quản lý doanh nghiệp, công ty vẫn thực hiện vượt chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế với số tiền là 87.388.486.493 đồng đạt 108% kế hoạch. Mức cổ tức thực hiện là 25%/năm hoàn thành mức cam kết tại nghị quyết đại hội đồng cổ đông tương ứng số tiền 75.000.000.000 đồng.

2. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám Đốc và Ban Điều Hành công ty:

Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và Ban Điều Hành trong việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quyết định của HĐQT, cụ thể như sau:

2.1. Phương pháp giám sát:

- HĐQT kết hợp chặt chẽ với Ban Kiểm Toán Nội Bộ nắm rõ tình hình hoạt động, theo dõi chỉ đạo và triển khai nghị quyết trong quá trình thực tiễn để kịp thời có những định hướng, hỗ trợ nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đã đề ra;
- Yêu cầu Tổng Giám đốc và Ban Điều hành thực hiện việc báo cáo tình hình hoạt động trong các cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT;
- Tham gia vào các kỳ họp giao ban 06 tháng và tổng kết năm của Ban Điều hành nhằm theo sát các hoạt động kinh doanh của công ty
- Phân công Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ và người phụ trách quản trị giám sát việc công bố thông tin của công ty, đảm bảo công khai minh bạch trong hoạt động

2.2. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám Đốc:

a) Công tác điều hành nhiệm vụ SXKD năm 2020:

- Điều hành công tác quản lý đúng thẩm quyền, có trách nhiệm, linh hoạt uyển chuyển ứng phó trong giai đoạn kinh tế khó khăn vì đại dịch Covid
- Báo cáo kịp thời, đầy đủ về tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD cho HĐQT tại các cuộc họp định kỳ của HĐQT hàng quý.
- Đối với những chủ trương thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT đều có tờ trình xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT trước khi triển khai.
- Trong tình hình nền kinh tế suy giảm do đại dịch Covid, Tổng Giám đốc đã điều hành các Phòng, Ban, đơn vị đạt được kết quả kinh doanh như sau:

STT	Diễn giải	Kế hoạch 2020	Thực Hiện Năm 2020	So sánh TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	225.100.000.000	219.590.494.170	97,6%
3	Lợi nhuận trước thuế	100.000.000.000	106.232.377.774	106,2%
4	Lợi nhuận sau thuế	80.900.000.000	87.388.486.493	108,0%

- Chi cổ tức 25% tương ứng số tiền 75.000.000.000 đồng.

b) Công tác nhân sự - chăm lo đời sống NLĐ:

Tổng Giám Đốc đã làm tốt các chính sách chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho CBCNV công ty, cụ thể như:

- Trình HĐQT phê duyệt điều chỉnh bảng lương, tăng lương cho CBCNV để đảm bảo yếu tố trượt giá, trả lương đúng năng lực và thu hút lao động, nâng mức thu nhập bình quân NLĐ lên 15.134.000 đồng/người/tháng tăng 8% so với năm 2019
- Thực hiện đầy đủ các chính sách của công ty đối với NLĐ theo Thỏa ước lao động tập thể về chăm sóc sức khỏe; chế độ Bảo hiểm y tế; bảo hiểm XH, thưởng các dịp lễ, tết; học bổng cho con em NLĐ có thành tích tốt; chế độ nghỉ mát và các chế độ khác.

c) Công tác quản trị nội bộ và công bố thông tin:

- Về công tác quản trị nội bộ: tuân thủ Quy chế nội bộ về quản trị của công ty; đảm bảo việc báo cáo tình hình quản trị hàng quý, 6 tháng và hàng năm theo quy định của nghị định 71/2017/NĐ-CP
- Về công tác công bố thông tin: đã bổ nhiệm người chịu trách nhiệm công bố thông tin và kịp thời công bố các thông tin lên website và các cổng thông tin điện tử của Sở Giao Dịch CK Tp.HCM; Ủy Ban CK Nhà Nước theo quy định pháp luật.
- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật.

d) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác:

- Ban điều hành công ty gồm: Tổng Giám Đốc và 01 Phó Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng
- Trong công tác điều hành giữa Ban TGDĐ đã có Bảng phân công nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của Tổng Giám Đốc cho Phó Tổng đầy đủ rõ ràng, và được thể hiện bằng các Giấy Ủy Quyền.
- Phó Tổng Giám Đốc tham gia điều hành hoạt động SXKD theo đúng thẩm quyền và tham mưu, hỗ trợ Tổng giám Đốc tốt công tác nghiệp vụ chuyên môn.

3. Nhận xét chung:

Trong bối cảnh cả thế giới đang trong trận chiến chống đại dịch Covid-19 và nền kinh tế Việt Nam rơi vào tình trạng suy giảm đối với một số ngành nghề liên quan, đồng thời quá trình chuẩn bị cho đại hội đảng các cấp góp phần làm cho công tác thủ tục pháp lý tại các cơ quan nhà nước đều rất chậm, công tác triển

khai 02 dự án trọng điểm của công ty đang chậm tiến độ so với kế hoạch đã đề ra. Dù vậy, Hội Đồng Quản Trị đã bám sát tình hình thực tế của đơn vị, chỉ đạo kịp thời các giải pháp nhằm tăng cường quản lý và tiết kiệm chi phí, tập trung vào củng cố nguồn lực nội tại để tiếp tục sẵn sàng cho kế hoạch năm 2021.

IV- HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2020

1. Tổng kết các cuộc họp và quyết định của HĐQT:

- Các thành viên HĐQT làm việc theo Quy chế hoạt động của HĐQT, các thành viên đều cam kết hoàn thành trách nhiệm vai trò của mình trong việc tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT cũng như đưa ra các quyết định quan trọng phục vụ kịp thời cho việc triển khai hoạt động kinh doanh
- Chế độ làm việc của HĐQT đảm bảo việc tổ chức cuộc họp định kỳ mỗi quý 1 lần, nội dung làm việc đúng thẩm quyền và đảm bảo quy chế quản trị công ty. Trong niên độ tài chính năm 2020, HĐQT đã tiến hành 05 cuộc họp định kỳ.
- Tổng kết Tình hình tham dự các cuộc họp của các thành viên như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Minh Tâm	Chủ tịch	08/01/2020	05	100%	
2	Trần Quang Trường	Phó Chủ Tịch, TGD	08/01/2020	05	100%	
3	Nguyễn Thị Thu Giang	TV độc lập kiêm Chủ tịch Ủy Ban Kiểm Toán	08/01/2020	05	100%	
4	La Ngọc Thông	Thành viên	08/01/2020	05	100%	
5	Phan Ngọc Liêm	Thành viên độc lập	08/01/2020	05	100%	
6	Trần Thị Thanh Nhân	Thành viên	08/01/2020	05	100%	

2. Các quyết định của HĐQT đã ban hành (từ 1/10/2019 đến 30/9/2020): trong kỳ báo cáo ban hành 20 quyết định cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ QĐ	Ngày	Nội dung
1	06/QĐ-HĐQT	01/10/2019	Thoái vốn toàn bộ cổ phiếu tại công ty Tanicons
2	07/QĐ-HĐQT	01/11/2019	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2019 và tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
3	08/QĐ-HĐQT	26/11/2019	Ban hành quy chế ứng cử đề cử và bầu cử

			TV.HĐQT Tanimex nhiệm kỳ IV(2020-2025)
4	09/QĐ-HĐQT	18/12/2019	Thoái vốn tại công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Giá Trị
5	10/QĐ-HĐQT	18/12/2019	Thoái vốn tại công ty CP DV Giáo Dục Trí Đức
6	11/QĐ-HĐQT	18/12/2019	Thông qua các giao dịch nội bộ năm 2020
7	12/QĐ-HĐQT	18/12/2019	Bổ nhiệm người quản trị công ty
8	13/QĐ-HĐQT	26/12/2019	Điều chỉnh loại chứng khoán
9	01/QĐ-HĐQT	10/01/2020	Bổ nhiệm chức danh chủ tịch HĐQT
10	02/QĐ-HĐQT	10/01/2020	Bổ nhiệm chức danh Phó chủ tịch HĐQT
11	03/QĐ-HĐQT	10/01/2020	Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc
12	04/QĐ-HĐQT	10/01/2020	Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám Đốc
13	05/QĐ-HĐQT	10/01/2020	Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng
14	06/QĐ-HĐQT	10/01/2020	Thông qua giao dịch và hợp đồng (Cty Trí Đức)
15	07/QĐ-HĐQT	10/01/2020	Thông qua giao dịch và hợp đồng (Cty Giá Trị)
16	08/QĐ-HĐQT	09/03/2020	Thành lập Ban kiểm toán nội bộ
17	09/QĐ-HĐQT	01/4/2020	Ban hành qui chế hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025
18	10/QĐ-HĐQT	01/4/2020	Ban hành qui chế kiểm toán nội bộ công ty
19	11/QĐ-HĐQT	01/4/2020	Ban hành bản phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025
20	12/QĐ-HĐQT	06/5/2020	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020

3. Đánh giá sự độc lập của các thành viên độc lập HĐQT

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đảm bảo số lượng thành viên độc lập HĐQT chiếm 1/3 bao gồm hai (02) thành viên gồm: Ông Phan Ngọc Liêm và Bà Nguyễn Thị Thu Giang. Từ ngày 08/1/2020 đến nay, theo đánh giá chung của HĐQT về hoạt động của 02 thành viên độc lập này như sau:

- Tham gia tích cực vào công tác xây dựng chiến lược, hoạch định kế hoạch SXKD công ty và thảo luận các nội dung tại các cuộc họp.

- Đảm bảo sự độc lập và khách quan khi tham gia biểu quyết các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT và không bị mối quan hệ hay tình cảm cá nhân với các thành viên khác của HĐQT chi phối ảnh hưởng đến quyết định của mình.
- Tham gia phản biện mang tính xây dựng, đóng góp trong các cuộc họp HĐQT và có tính độc lập trong đánh giá, nhận xét đặc biệt là với vai trò được phân công là Trưởng Ban Kiểm Toán Nội Bộ, Bà Nguyễn Thị Thu Giang đã thể hiện tốt nhiệm vụ của mình trong việc giám sát công tác quản trị công ty và các giao dịch nội bộ, đảm bảo hoạt động của HĐQT luôn tuân thủ quy định pháp luật

4. Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm Toán Nội Bộ trực thuộc HĐQT

Ban Kiểm Toán Nội Bộ trực thuộc Hội Đồng Quản Trị được thành lập theo quyết định số 08/QĐ-HĐQT ngày 09/3/2020, bao gồm 05 thành viên, trong đó Bà Nguyễn Thị Thu Giang- thành viên độc lập HĐQT giữ chức vụ Trưởng Ban, các thành viên còn lại là nhân sự ở các Phòng Ban nghiệp vụ do HĐQT phân công cán bộ kiêm nhiệm.

Trong niên độ tài chính vừa qua, Ban Kiểm Toán đã thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Ban hành Quy Chế Kiểm Toán Nội Bộ theo quyết định số 10/QĐ-HĐQT ngày 01/4/2020 làm cơ sở cho hoạt động của các thành viên
 - Trong niên độ đã tiến hành 02 phiên họp định kỳ với các công tác trọng tâm:
 - + Tổ chức công tác kiểm toán nội bộ các báo cáo quý, báo cáo 06 tháng và báo cáo kiểm toán năm 2020 của Tổng Giám Đốc
 - + Giám sát việc thực hiện Quy chế Quản Trị công ty và việc tổ chức công bố thông tin của công ty theo quy định của Pháp luật hiện hành.
 - Tham dự đầy đủ 05 phiên họp của HĐQT và tiếp cận đầy đủ các nội dung, nghị quyết của HĐQT .
 - Đảm bảo tính độc lập, khách quan và tuân thủ quy định khi lập báo cáo kiểm toán nội bộ.
- Ngày 07/12/2020, thực hiện theo quy định của Luật Doanh Nghiệp 2019, HĐQT đã ký QĐ bổ nhiệm lại Ủy Ban Kiểm Toán (thay cho Ban Kiểm Toán Nội Bộ) gồm 03 thành viên HĐQT kiêm nhiệm cụ thể là:
- ① Bà Nguyễn Thị Thu Giang – thành viên độc lập HĐQT - Chủ tịch UBKTKT
 - ② Ông La Ngọc Thông - thành viên HĐQT không điều hành - thành viên UBKT
 - ③ Ông Phan Ngọc Liêm – thành viên độc lập HĐQT - thành viên UBKT

5. Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT:

Hội đồng quản trị công ty trong năm 2020 đã có nhiều nỗ lực trong công tác quản trị công ty phù hợp quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Đảm bảo yêu cầu về cơ cấu số lượng thành viên độc lập, số lượng thành viên không điều hành và số lượng cuộc họp theo đúng quy định của pháp luật.
- Xác định rõ ràng vai trò của thành viên không điều hành, thành viên độc lập đồng thời tách biệt về vai trò của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám Đốc (chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm TGD) đã thể hiện sự minh bạch, độc lập giữa HĐQT

và Ban điều hành, phân chia quyền hạn trong các quyết định, từ đó tăng trách nhiệm và tính độc lập của cả hai bên.

- Đảm bảo tư cách thành viên HĐQT, không thành viên nào đồng thời là thành viên HĐQT của quá năm (05) công ty khác. Cùng nhau duy trì hoạt động thường xuyên thông qua nhiều hình thức như họp định kỳ, trao đổi bằng điện thoại, email.v.v. nhằm thông tin kịp thời đầy đủ tình hình hoạt động công ty, đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trách nhiệm theo đúng Điều lệ và đảm bảo lợi ích cho cổ đông công ty.

V- CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT

1. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và Ban Kiểm Soát năm 2020:

- Căn cứ nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/1/2020, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã phê duyệt thù lao HĐQT và các Tiểu Ban số tiền là 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng), trong đó bao gồm:

1.1. Mức Thù lao đối với từng thành viên HĐQT:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Mức Thù lao 1 tháng	Tổng thù lao đã chi trả cả năm
A	HĐQT NHIỆM KỲ III (từ tháng 10/2019 đến tháng 1/2020)			
1	Nguyễn Minh Tâm	chủ tịch HĐQT	9.000.000	36.000.000
2	Trần Quang Trường	thành viên	6.000.000	24.000.000
3	Huỳnh An Trung	thành viên	6.000.000	24.000.000
4	Lê Trọng Lập	thành viên	6.000.000	24.000.000
B	HĐQT NHIỆM KỲ IV (từ tháng 2/2020 đến tháng 9/2020)			
1	Nguyễn Minh Tâm	chủ tịch HĐQT	12.000.000	96.000.000
2	Trần Quang Trường	Phó chủ tịch	10.000.000	80.000.000
3	Nguyễn Thị Thu Giang	thành viên kiêm Trưởng Ban KTNB	8.000.000	64.000.000
4	La Ngọc Thông	thành viên	6.000.000	48.000.000
5	Trần Thị Thanh Nhân	thành viên	6.000.000	48.000.000
6	Phan Ngọc Liêm	thành viên	6.000.000	48.000.000
	TỔNG CỘNG THÙ LAO NĂM 2020			492.000.000

1.2. Tổng hợp Thù lao và Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và các tiểu ban:

STT	Nội dung diễn giải	Chi phí 1 năm
1	Thù lao HĐQT	492.000.000
2	Thù lao Ban Kiểm Soát & Ban Kiểm Toán NB	94.000.000
3	Chi phí hội họp; chi hoạt động và công tác trong năm	254.000.000
4	Thù lao Người phụ trách quản trị	60.000.000
	Tổng cộng	900.000.000

2. Tiền lương, thưởng của Chủ tịch HĐQT, TGD và Người Quản Lý:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Định mức thù lao/lương/tháng	Thưởng HĐKD 2020	Quyền lợi khác
A- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
1	Nguyễn Minh Tâm	Chủ tịch HĐQT	Lương : 147.000.000 Thù lao HĐQT: 12.000.000	441.000.000	Không
2	Trần Quang Trường	Phó CT	10.000.000		không
3	Nguyễn Thị Thu Giang	TV độc lập kiêm trưởng Ban KTNB	8.000.000	Không	không
4	La Ngọc Thông	Thành viên	6.000.000	không	không
5	Phan Ngọc Liêm	TV độc lập	6.000.000	không	Không
6	Trần Thị Thanh Nhân	TV độc lập	6.000.000	không	không
B - BAN ĐIỀU HÀNH					
1	Trần Quang Trường	Tổng Giám đốc	126.000.000	378.000.000	Không
3	Nguyễn Đình Minh Triết	Phó TGD	96.600.000	289.800.000	Không
4	Hà Thị Thu Thảo	Kế toán trưởng	58.800.000	176.400.000	Không

3. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Minh Phát	Người có liên quan đến Ông Trần Quang Trường, Nguyễn Đình Minh Triết	2.100.000	7%	2.400.000	8%	Tăng tỷ lệ sở hữu (Giao dịch từ ngày 06/05/2020 - 04/06/2020)

02	Công ty Cổ Phần Dịch Vụ - Sản Xuất Tân Bình (Taniservice)	Người có liên quan đến Ông Trần Quang Trường, Nguyễn Đình Minh Triết	3.000.000	10%	3.300.000	11%	Tăng tỷ lệ sở hữu (Giao dịch ngày 06/05/2020 - 04/06/2020)
03	Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Logistics Nam Sài Gòn	Người có liên quan đến Ông Nguyễn Đình Minh Triết	1.766.570	5.89%	400.000	1.33%	Giảm tỷ lệ sở hữu (Giao dịch từ ngày 05/05/2020 - 03/06/2020)
04	Bà Trần Thị Trung Thu	Người có liên quan đến Ông La Ngọc Thông	119.318	0.40%	0	0%	Giảm tỷ lệ sở hữu (Giao dịch từ ngày 02/07/2020 đến 31/07/2020)
05	Bà Võ Nguyệt Thùy Vân	Người có liên quan đến Ông Nguyễn Trung Hiếu	2.398.792	7.9959%	2.500.000	8.33%	Tăng tỷ lệ sở hữu (Giao dịch ngày 06/07/2020)

4. Giao dịch hợp đồng giữa công ty với các cá nhân/tổ chức là người có liên quan đến Người quản lý:

Trong năm qua, công ty có những giao dịch phát sinh với các tổ chức là người có liên quan đến người quản lý, bao gồm ký các hợp đồng cung cấp dịch vụ cho thuê đất, cho thuê mặt bằng.v.v. và ký hợp đồng mua hàng hóa dịch vụ, cụ thể như sau:

T T	Các bên liên quan	Tổng giá trị giao dịch (đồng)		Ghi chú
		Cty Tanimex bán ra	Cty Tanimex mua vào	
1	CTCP DV Vận chuyển Thịnh Phát	9.685.362.002	7.375.723.948	
2	CTCP Đầu tư và Dịch vụ Tân Phú	-	6.048.234.741	
3	CTCP SX DV Hưng Phát	1.778.968.620	-	
4	CTCP Đầu tư và Phát triển Minh Phát	4.854.333.650	8.401.729.679	
5	CTCP Sản xuất - Dịch vụ Tân Bình Tanimex (Taniservice)	1.047.603.770	634.396.129	
6	CTCP Giáo dục Trí Đức	4.600.000.000	297.049.000	

V. CÔNG TÁC TRONG NĂM TRONG NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2021 (từ 1/10/2020 đến 30/9/2021):

1. Đối với công tác quản trị

- Nâng cao tính minh bạch trong quản trị doanh nghiệp, trách nhiệm quản lý rủi ro trong công tác tài chính kế toán

- Đề cao tính minh bạch trong mọi hoạt động của công ty và tính trách nhiệm của các thành viên độc lập HĐQT
- Nâng cao năng lực của bộ máy quản lý, đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới
- Chuẩn hóa các quy trình làm việc nhằm đảm bảo tính tuân thủ quy định pháp luật và nâng cao sự chuyên nghiệp trong công tác điều hành
- Xây dựng phương án đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý, trẻ hóa đội ngũ, chuẩn bị nguồn nhân lực kế thừa ở cấp quản lý điều hành

2. Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kiểm soát tốt và nâng cao hiệu quả đối với những nhóm ngành nghề chính và thường xuyên của công ty như hoạt động cho thuê kho xưởng, văn phòng để làm nền tảng đảm bảo duy trì hoạt động công ty
- Tập trung nhân lực theo sát và thúc đẩy tiến độ thủ tục pháp lý của 02 trọng điểm gồm Nhà ở XH và chung cư Milky Way để triển khai sớm và mang về doanh thu lợi nhuận cho công ty
- Chăm lo tốt cho đời sống và lợi ích CNCNV đồng thời đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

3. Công bố danh mục các hợp đồng, giao dịch được ký kết giữa công ty và cá nhân/tổ chức có liên quan đến người quản lý công ty:

Từ ngày 1/10/2020 đến ngày 31/12/2021, dự kiến công ty Tanimex sẽ ký các hợp đồng, giao dịch về việc mua, bán hàng hóa và các dịch vụ với các tổ chức là người có liên quan đến Người quản lý công ty, cụ thể:

STT	Tên đơn vị	Mối quan hệ	Tổng giá trị giao dịch phát sinh (ước tính)	Các loại giao dịch (mua, bán, dịch vụ.v.v.)
1	Công ty CP SX Dịch Vụ Tân Bình Tanimex (Taniservice)	Tổ chức có liên quan đến Ông Trần Quang Trường và Ông Nguyễn Đình Minh Triết	2.500.000.000	Thuê mặt bằng ; cung cấp điện nước cho kinh doanh và sinh hoạt ; xử lý nước thải ; duy tu CSHT KCN ; mua bán nhiên liệu ; dịch vụ nhà hàng, nước uống tinh khiết.v.v.
2	Công ty CP Đầu Tư Và Phát Triển Minh Phát	Tổ chức có liên quan đến Ông Trần Quang Trường và Ông Nguyễn Đình Minh Triết	6.000.000.000	- Thuê mặt bằng ; cung cấp điện nước cho kinh doanh và sinh hoạt ; xử lý nước thải ; duy tu CSHT KCN ; dịch vụ quản lý tòa nhà.v.v. - Riêng các giao dịch về ủy thác quản lý, bảo trì kho xưởng, tư vấn quản lý dự án được tính theo giá trị thực tế phát sinh
3	Công ty CP DV Vận Chuyển Thịnh Phát		15.500.000.000	Thuê mặt bằng ; cung cấp điện, nước cho kinh doanh và sinh hoạt; xử lý nước thải; mua bán, cho thuê xe ô tô ; thu gom vận chuyển rác; vệ sinh lòng đường; duy tu, trồng cây, bảo dưỡng cây xanh ; bảo trì hệ thống thoát nước,điện, chiếu sáng ; san lấp mặt bằng.v.v.

4	Công ty CP Dịch Vụ Giáo Dục Trí Đức	Tổ chức có liên quan của Ông Nguyễn Minh Tâm và Ông Trần Quang Trường	7.200.000.000	Thuê mặt bằng; dịch vụ du lịch lữ hành; dịch vụ tổ chức event.v.v.
5	Công ty CP Đầu Tư Và Dịch Vụ Tân Phú	Tổ chức có liên quan đến ông Nguyễn Đình Minh Triết	Giá trị theo thực tế phát sinh	Các giao dịch về thi công, xây dựng, thiết kế ; tư vấn giám sát công trình ; cung cấp, lắp đặt hệ thống PCCC

4. Công bố danh sách cá nhân, tổ chức là người có liên quan của Người quản lý (theo phụ lục đính kèm)

VI. KẾT LUẬN:

- HĐQT đã định hướng hoạt động SXKD công ty Tanimex đạt hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, mang lại giá trị gia tăng cho cổ đông.
- HĐQT đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thường xuyên với Ban điều hành và Ban KS trong việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT;
- Mọi vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thực hiện công khai trên cơ sở các cuộc họp HĐQT và biểu quyết; các Quyết định của HĐQT đều được thông báo đầy đủ, kịp thời cho Ban kiểm soát và Ban điều hành;
- Các đề xuất của Ban điều hành đối với HĐQT đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời;
- Công ty đã chấp hành đầy đủ, kịp thời các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định của Nhà nước.

Trên đây là một số nội dung báo cáo về hoạt động của các thành viên HĐQT trong niên độ tài chính 2020, kính trình Đại Hội Đồng Cổ đông thông qua.

Tân Bình, ngày 23 tháng 12 năm 2020

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN MINH TÂM



TỜ TRÌNH

V/v phê duyệt phương án Phân Phối Lợi Nhuận năm 2020

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông công ty

- Căn cứ tỷ lệ trích lập các nguồn quỹ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/1/2020.

Để có cơ sở cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành thực hiện việc phân phối kết quả sản xuất kinh doanh NĐTC năm 2020 (từ 1/10/2019 đến 30/9/2020), kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông Công ty xem xét phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của niên độ tài chính 2020, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ theo ĐHĐCĐ	Tỷ lệ trích thực tế	Thành tiền
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	100%	100,0%	87.388.486.493
Chia cổ tức 25%/năm	85,8%	85,8%	75.000.000.000
Thù lao HĐQT & các tiểu ban			900.000.000
Thưởng vượt KH (15% LN vượt)			973.272.974
Quỹ khen thưởng CNV	5,0%	4,0%	3.495.539.460
Quỹ phúc lợi CNVV	3,0%	3,0%	2.621.654.595
Quỹ phúc lợi XH	4,0%	4,0%	3.495.539.460
Lợi nhuận để lại		1,0%	902.480.004

Tp.HCM ngày 23 tháng 12 năm 2020

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN MINH TÂM



ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾ HOẠCH SX KD NĐTC NĂM 2021

(từ 01/10/2020 đến 30/9/2021)

I. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH:

1.KẾ HOẠCH DOANH THU – LỢI NHUẬN:

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh niên độ tài chính năm 2020, các nguồn dự báo tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam nói chung và khả năng nội tại của doanh nghiệp, Hội Đồng Quản Trị đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ tài chính năm 2021 như sau:

STT	Diễn giải	Thực hiện Năm 2020	Kế hoạch Năm 2021	So sánh KH/TH (%)
1	Tổng doanh thu	219.590.494.170	248.454.000.000	113,1%
2	Tổng chi phí	113.358.116.396	127.439.000.000	112,4%
3	Lợi nhuận trước thuế	106.232.377.774	121.015.000.000	113,9%
4	Lợi nhuận sau thuế	87.388.486.493	98.670.600.000	112,9%

- Niên độ tài chính 2021 sẽ tiếp tục là một năm chưa có doanh thu lợi nhuận đột biến trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tuy nhiên HĐQT xây dựng chỉ tiêu Doanh thu kế hoạch 2021 đạt 113,1% so với thực hiện năm 2020 là dựa trên nguồn doanh thu nền tảng và thường xuyên của công ty bao gồm:

+ Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính yếu gồm cho thuê nhà xưởng; cho thuê hạ tầng KCN, kinh doanh cho thuê cao ốc...với số tiền 180.000.000.000 đồng

+ Doanh thu cho thuê hạ tầng đối với 02 doanh nghiệp tái ký hợp đồng mới tại KCN Tân Bình

+ Còn lại là doanh thu từ một số dịch vụ- kinh doanh thương mại khác

Do đó, trong điều kiện kinh doanh bình thường và chưa có doanh thu từ đầu tư dự án; công ty luôn duy trì mức doanh thu gần như ít biến đổi như chỉ tiêu năm 2020 đã đề ra và lợi nhuận sau thuế đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông.

2. CÔNG TÁC TRỌNG TÂM TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

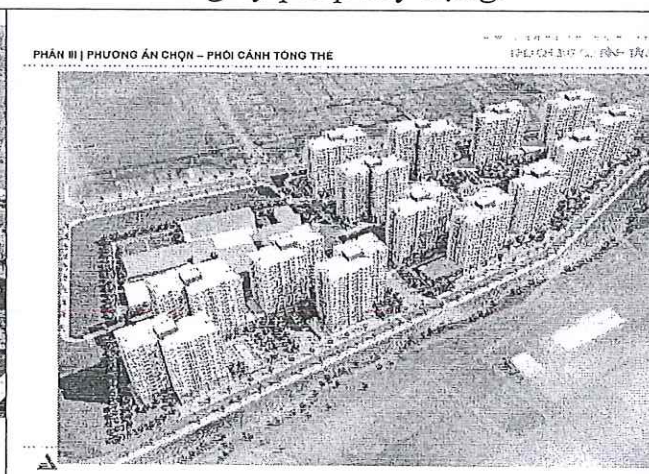
Để thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra cũng như các kế hoạch sản xuất kinh doanh trong những năm tới, Công ty sẽ tập trung vào các công tác trọng tâm như sau:

- 2.1. Tiếp tục duy trì các hoạt động kinh doanh thường xuyên của công ty, cụ thể gồm:

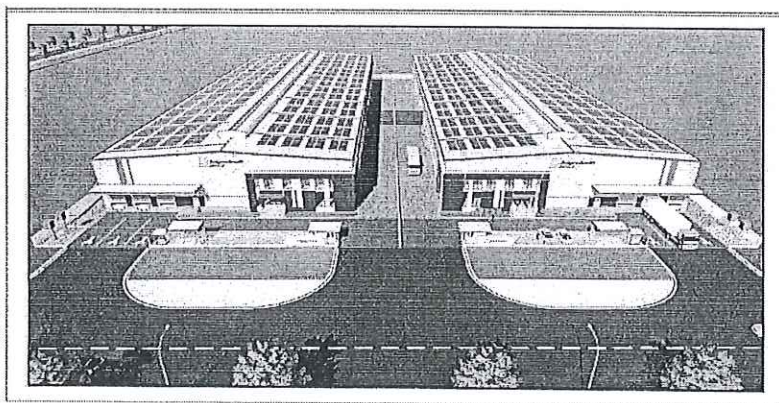
- a) Hệ thống kho xưởng cho thuê tại KCN Tân Bình được Tanimex đầu tư từ năm 2000, với diện tích 49.000 m² bao gồm 8 kho xưởng nay đã xuống cấp cần tiến hành duy tu sửa chữa lớn gồm các hạng mục: thay mái tôn, hệ thống PCCC theo quy chuẩn, cải tạo kho 18...với tổng chi phí dự kiến là 58,3 tỷ đồng
- b) Quản lý và duy tu cơ sở hạ tầng KCN, vận hành hệ thống xử lý nước thải và đảm bảo trật tự an ninh và PCCC tại KCN Tân Bình I và II
- c) Tiếp tục các hoạt động dịch vụ cho thuê cao ốc, văn phòng có hiệu quả và một số hoạt động kinh doanh thương mại khác.

**2.2. Thúc đẩy các thủ tục pháp lý của 02 dự án trọng điểm gồm:
Dự án Nhà ở XH và Dự án Chung Cư Milky Way tại khu
công nghiệp Tân Bình II.**

- Hoàn thành và trình phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu 1/2000 của Khu dân cư phụ trợ KCN Tân Bình Mở rộng (KCN TB II); sau khi có quy hoạch 1/2000 tiếp tục trình phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500.
- Tiếp tục các thủ tục pháp lý liên quan đến việc nộp tiền sử dụng đất của 02 dự án để được cấp Giấy CNQSDĐ và tiến hành xin giấy phép xây dựng.



2.3. Triển khai xây dựng Dự án Kho xưởng mới tại Long An,



- Địa điểm: KCN Long Hậu,
Long An
- Diện tích 38.500 m²
- Tổng vốn đầu tư dự kiến 235
tỷ đồng

2.4. Triển khai đầu tư dự án điện năng lượng mặt trời:

Việc sử dụng điện năng lượng mặt trời được xem là nguồn năng lượng thay thế trong tương lai, là nguồn năng lượng tái tạo tác động tích cực đến môi trường và đời sống con người và là xu thế chung của thế giới, với chủ trương của ngành điện khuyến khích xã hội hóa đầu tư và mua lại điện năng, qua tính toán nếu triển khai kịp thời sẽ mang lại hiệu quả cho công ty do lợi thế có hệ thống kho xưởng tại KCN Tân Bình.



Kế hoạch năm 2021, công ty sẽ triển khai đầu tư với công suất thiết kế: 8 MWp, trong đó có 6 MWp thực hiện trên mái của hệ thống kho xưởng tại KCN Tân Bình và 02 MWp dự kiến triển khai trên mái tôn tại KCN Long Hậu (khi kho này xây dựng). Tổng kinh phí đầu tư dự kiến là 102.500.000.000 đ với cơ cấu vốn tự có 40% và vốn vay 60%.

2.5. Tập trung tái cơ cấu vốn đang đầu tư tại các công ty liên doanh liên kết, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn.

3. CÔNG TÁC TRONG TÂM TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ:

- 3.1. Đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động của HĐQT, giám sát công tác triển khai nhiệm vụ SXKD của Ban Điều hành và kịp thời có định hướng chiến lược phù hợp.
- 3.2. Tăng cường rà soát và chuẩn hóa hệ thống quy trình làm việc, công tác pháp lý trong các lĩnh vực kinh doanh, đảm bảo công việc được quản lý khoa học, chuẩn xác và hiệu quả
- 3.3. Tăng cường công tác quản lý và kiểm soát chi phí hoạt động trong thời điểm các dự án công ty chưa triển khai được như tiến độ đề ra, để có được nguồn lợi nhuận chi cổ tức cho cổ đông như cam kết thì việc kiểm soát chi phí là hết sức quan trọng

- 3.4. Đảm bảo tuân thủ các quy định về quản trị nội bộ và công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 3.5. Đảm bảo kiểm soát và quản lý các giao dịch nội bộ theo đúng quy định của pháp luật tránh xung đột lợi ích ảnh hưởng đến cổ đông

II. DỰ KIẾN TỶ LỆ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĐTĐC 2021:

STT	CHỈ TIÊU	TRÍCH LẬP
1	Chia cổ tức	25%/ năm
2	Quỹ khen thưởng CNV	5% Lợi Nhuận Sau thuế
3	Quỹ phúc lợi CNV	3% Lợi Nhuận Sau thuế
4	Quỹ xã hội	4% Lợi Nhuận Sau thuế

III. KẾT LUẬN:

Hội đồng quản trị trong quá trình triển khai kế hoạch SXKD niên độ tài chính 2021, phát huy sự sáng tạo và năng lực lãnh đạo; kịp thời có chiến lược kinh doanh phù hợp cùng với sự đồng lòng, đoàn kết, thống nhất của Ban điều hành và tập thể CBCNV toàn hệ thống, quyết tâm thực hiện thắng lợi những mục tiêu đã đề ra, đảm bảo cổ tức cho cổ đông.

Tp.HCM ngày 23 tháng 12 năm 2020

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN MINH TÂM



TỜ TRÌNH

V/v phê duyệt ngân sách hoạt động Hội Đồng Quản Trị năm 2021

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông công ty

Để có nguồn kinh phí cho Hội Đồng Quản Trị và Các Tiểu Ban công ty triển khai các công tác do Đại Hội Đồng Cổ Đông Công ty giao trong NĐTC 2021, kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông Công ty xem xét thông qua các nội dung sau:

1. Phê duyệt ngân sách hoạt động cho Hội Đồng Quản Trị và các tiểu ban trực thuộc HĐQT năm 2021 (từ ngày 01/10/2020 đến 30/9/2021)
 - Số tiền: 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng), trong đó bao gồm tiền thù lao và các chi phí hợp lý liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT và các tiểu ban.
2. Thưởng vượt kế hoạch 15% trên lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch cho Ban Điều Hành và cán bộ quản lý toàn Công ty trong trường hợp kết quả thực hiện niên độ tài chính 2021 (từ ngày 01/10/2020 đến 30/9/2021) có lợi nhuận sau thuế vượt mức kế hoạch đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông công ty thông qua tại Đại hội thường niên năm nay.

Tp.HCM ngày 23 tháng 12 năm 2020

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN MINH TÂM



TỜ TRÌNH

V/v chỉnh sửa Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông công ty

- Căn cứ những quy định mới của Luật DN 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (viết tắt là Luật DN 2020) và Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (viết tắt là Luật CK 2019) có hiệu lực từ ngày 01/1/2021

Nhằm đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc cập nhật, bổ sung và chỉnh sửa Điều Lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty với những nội dung chi tiết như sau:

PHẦN 1: CHỈNH SỬA ĐIỀU LỆ

1. Nội dung điều chỉnh: cập nhật, bổ sung, thay thế các điều khoản của Điều lệ theo luật mới vào 18 điều gồm: Điều 1; Điều 7; Điều 9; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 18; Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 25; Điều 27; Điều 29; Điều 35; Điều 37; Điều 38;
2. Nội dung bổ sung: Chương IV bổ sung điều 11; Điều 12; Điều 13; Chương VII bổ sung thêm Điều 28; Điều 35; Điều 37; Chương VIII bổ sung Điều 40; bổ sung thêm Chương IX “ Công khai lợi ích liên quan và chấp thuận hợp đồng giao dịch giữa công ty và người có liên quan” Điều 42; Điều 43; Chương X bổ sung Điều 44; Chương XI bổ sung Điều 47; Chương XV bổ sung Điều 54
3. Điều lệ sau khi bổ sung chỉnh sửa bao gồm 21 chương và 64 điều; nội dung chi tiết về chỉnh sửa được liệt kê theo phụ lục giải trình đính kèm tờ trình này

PHẦN 2: CHỈNH SỬA QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Điều chỉnh: cập nhật các điều khoản tham chiếu luật cũ sang điều khoản tham chiếu quy định tại Luật DN mới và điều lệ mới : tại Điều 1; Điều 4; Điều 8; Điều 14; Điều 15; Điều 24; Điều 28
2. Cập nhật, điều chỉnh, bổ sung thay thế theo quy định của Luật mới và điều lệ mới tại 05 điều khoản: Điều 6; Điều 17; Điều 19; Điều 27; Điều 28
3. Quy chế Nội bộ về Quản trị công ty sau khi chỉnh sửa không thay đổi về số chương và số điều khoản (gồm 10 chương 45 điều), nội dung chi tiết được liệt kê theo phụ lục giải trình đính kèm tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Tp.HCM ngày 23 tháng 12 năm 2020

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN MINH TÂM

CÔNG TY CỔ PHẦN SXKD XNK
DV & ĐT TÂN BÌNH
(TANIMEX)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu CBTT/SGDHCM-05
(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2014/QĐ-SGDHCM ngày 24/7/2013 của TGD SGDC HCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDC TPHCM)

PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Đính kèm tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

A. ĐỐI VỚI TỔ CHỨC NIÊM YẾT:
I. Cổ đông nội bộ:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ	Giới tính	Địa chỉ	Loại hình ID (CMND/ Passport /Giấy ĐKKD)	Số ID	Ngày cấp	Nơi cấp	SL CP cá nhân/đại diện sở hữu	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm (đối với CENB có kiêm nhiệm chức danh quản lý khác)	Điện thoại liên hệ	Fax	Quốc tịch
L- Thành viên Hội đồng quản trị :															
1	Nguyễn Minh Tâm		Chủ tịch HĐQT	Nam	5B Đông Sơn, Phường 7, Quận Tân Bình, TPHCM	CCCD	079053000639	09/08/2016	Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	402.144	10/01/2020	31/01/2025			Việt Nam
2	Trần Quang Trường		Phó CT HĐQT,	Nam	46 Trần Văn Dành, Phường 13, Quận Tân Bình, TPHCM	CCCD	001068007424	21/06/2016	Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	10/01/2020	31/01/2025			Việt Nam
			TGD									31/01/2023			
3	La Ngọc Thông		Thành viên HĐQT	Nam	551/B Phạm Văn Chí, Phường 7, Quận 6, TPHCM	CCCD	079062004822	27/09/2017	Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	10/01/2020	31/01/2025			Việt Nam
			TV Ủy Ban Kiểm Toán								07/12/2020				

4	Phan Ngọc Liêm		Thành viên HĐQT TV Ủy Ban Kiểm Toán	Nam	221/38 Vườn Lài, P. Phú Thọ Hòa, Q. Tân Phú, TP.HCM	CCCD	049078000349	25/01/2019	Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	10/01/2020 07/12/2020	31/01/2025			Việt Nam
5	Trần Thị Thanh Nhân		Thành viên HĐQT	Nữ	220/76/6 Âu Cơ, Phường 9, Quận Tân Bình, TP.HCM	CCCD	079174009827	21/03/2019	Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	10/01/2020	31/01/2025			Việt Nam
6	Nguyễn Thị Thu Giang		Thành viên HĐQT CT Ủy Ban Kiểm toán	Nữ	154/68 Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, TP.HCM	CCCD	079160001917	04/08/2020	Cục QLHC về TTXH	16.700	10/01/2020 07/12/2020	31/01/2025			Việt Nam
7	Nguyễn Đình Minh Triết		Phó Tổng Giám đốc	Nam	5B Đông Sơn, Phường 7, Quận Tân Bình, TP.HCM	CCCD	079079011170	05/03/2020	Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	79.554	10/01/2020	31/01/2023			Việt Nam
8	Hà Thị Thu Thảo		Kế toán trưởng	Nữ	231/44 Dương Bá Trạc, P1, Q8 TP. HCM	CCCD	052175000260	26/11/2018	Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	1.837	10/01/2020	31/01/2023			Việt Nam
9	Lê Nguyễn Hoàng Dương		Người UQ CBTT, người phụ trách quản trị công ty	Nữ	56 Đường S7, P. Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM	CCCD	080178000890	17/09/2019	Cục QLHC về TTXH	34.313	Giấy ủy quyền ngày 12/03/2020	Cho đến khi có văn bản mới được thay thế			Việt Nam

II. Những người có liên quan của cổ đông nội bộ :

STT	Tên cá nhân /tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ/ Quan hệ	Giới tính	Địa chỉ	Loại hình ID (CMND/ Passport/G iấy ĐKKD)	Số ID	Ngày cấp	Nơi cấp	SL CP cá nhân/dại diện số hũu	Điện thoại liên hệ	Fax	Quốc tịch
I/ Người có liên quan của cổ đông nội bộ Ông Nguyễn Minh Tâm:													
1	Nguyễn Thị Xiem		Vợ	Nữ	5B Đông Sơn, P.7, Q. Tân Bình, TP.HCM	CCCD	079053000639	09/08/2016	Cục CS ĐKQL Cư Trú và DLQG về dân cư				Việt Nam

2	Nguyễn Thủy Vân Khanh		Con đẻ	Nữ	15 Đông Sơn Phường 7 Quận Tân Bình	CMND	023287890	18/03/1995	CA.TP.HCM					Việt Nam
3	Trần Hưng Lộc		Con rể	Nam	15 Đông Sơn Phường 7 Quận Tân Bình	CMND	023139192	30/7/2012	CA.TP.HCM	636.000				Việt Nam
4	Nguyễn Đình Minh Triết		Con đẻ	Nam	5B Đông Sơn Phường 7 Quận Tân Bình	CCCD	079079011170	05/3/2020	Cục CS ĐKQL cư trú và ĐIỀU về dân cư	79.554				Việt Nam
5	Lê Thị Minh Thanh		Con dâu	Nữ	5B Đông Sơn Phường 7 Quận Tân Bình	CMND	023165676	14/4/2015	CA.TP.HCM	1.401.988				Việt Nam
6	Nguyễn Trung Hiếu		Con đẻ	Nam	5B Đông Sơn Phường 7 Quận Tân Bình	CMND	023638950	18/12/2013	CA.TP.HCM	56.818				Việt Nam
7	Võ Nguyệt Thủy Vân		Con dâu	Nữ	5B Đông Sơn Phường 7 Quận Tân Bình	CMND	280759194	05/5/2009	CA.TP.HCM	2.500.000				Việt Nam
8	Võ Tâm Thành		Cha đẻ				Đã mất							Việt Nam
9	Nguyễn Thị Thiếu		Mẹ đẻ				Đã mất							Việt Nam
10	Võ Văn Tương		Cha vợ				Đã mất							Việt Nam
11	Nguyễn Thị Hải		Mẹ vợ				Đã mất							Việt Nam
12	Võ Văn Đường		Anh ruột				Đã mất							Việt Nam
13	Võ Thị Hiệp		Chị ruột	Nữ	10 đường 21, Mỹ Phú 1, Phường Tân Phú Quận 7, TP.HCM	CMND	020204436	08/04/2008	CA.TPHCM					Việt Nam
14	Cao Thị Chân		Chị dâu	Nữ	09-11 Park 3 Vinhome Center Park Phường 22 Quận Bình Thạnh	CMND	020248635	31/3/2009	CA.TPHCM					Việt Nam
15	Phạm Văn Chỉnh		Anh rể	Nam	10 đường 21, Mỹ Phú 1, Phường Tân Phú Quận 7, TP.HCM	CCCD	036053002942	19/11/2018	Cục CSQLHCVT TXH					Việt Nam
16	Công ty CP Dịch Vụ Giáo Dục Trí Dục		Chủ Tịch HĐQT		1333A Thoại Ngọc Hầu, P. Hoà Thành, Q. Tân Phú, TPHCM	Giấy ĐKKD	0303822792	23/5/2005 Thay đổi lần 15 26/10/2018	Giấy ĐKKD	250.000				Việt Nam

II/-Người có liên quan của cổ đông nội bộ Ông Trần Quang Trường:

1	Phan Bích Vân		Vợ	Nữ	46 Trần Văn Danh, Phường 13, Q. Tân Bình, TP.HCM	CMND	022488974	05/06/2002	CA.TP.HCM					Việt Nam
---	------------------	--	----	----	---	------	-----------	------------	-----------	--	--	--	--	----------

2	Trần Phan Khánh Linh	Con ruột	Nữ	46 Trần Văn Danh, Phường 13, Q. Tân Bình, TP.HCM	CMND	025103070	25/04/2009	CA.TP.HCM				Việt Nam
3	Trần Khiêm	Cha đẻ	Nam	80 S5 Phường Tây Thành, Quận Tân Phú, TP.HCM	CMND	024123875	17/08/2003	CA.TP.HCM				Việt Nam
4	Đoàn Thị Thiên Nga	Mẹ đẻ	Nữ	80 S5 Phường Tây Thành, Quận Tân Phú, TP.HCM	CMND	021714700	28/05/1999	CA.TP.HCM				Việt Nam
5	Phan Thiện Quốc	Cha vợ	Nam	220/50 Âu Cơ Phường 9 Quận Tân Bình, TP.HCM	CCCD	045028000010		CA.TP.HCM				Việt Nam
6	Nguyễn Thị An	Mẹ vợ	Nữ	220/50 Âu Cơ Phường 9 Quận Tân Bình, TP.HCM	CMND	024193462	05/06/2002	CA.TP.HCM				Việt Nam
7	Trần Quang Trung	Em ruột	Nam	82 S5 Phường Tây Thành, Quận Tân Phú, TP.HCM	CMND	022446050	13/08/2003	CA.TP.HCM				Việt Nam
8	Trần Phương Chinh	Em ruột	Nam	82 S5 Phường Tây Thành, Quận Tân Phú, TP.HCM	CMND	023120375	18/07/2005	CA.TP.HCM				Việt Nam
9	Huỳnh Thị Mộng Ngọc	Em dâu	Nữ	80 S5 Phường Tây Thành, Quận Tân Phú, TP.HCM	CMND	024329155	28/05/1999	CA.TP.HCM				Việt Nam
10	Công ty CP SX DV Tân Bình Tanimex	Chủ tịch HĐQT		Lầu 3 – số 475D Lê Trọng Tấn, P. Sơn Kỳ, Q. Tân Phú	Giấy ĐKKD	0304563607	17/06/2020	Sở KH&ĐT TP.HCM	3.300.000			Việt Nam
11	Công ty CP DT & PT Minh Phát	Chủ tịch HĐQT		Lầu 4, Số 475D Đường Lê Trọng Tấn, P. Sơn Kỳ, Q. Tân Phú	Giấy ĐKKD	0311640972	26/10/2018	Sở KH&ĐT TP.HCM	2.400.000			Việt Nam
12	Công ty CP DV Giáo dục Trí Đức	Thành viên HĐQT		1333A Thoại Ngọc Hầu, P. Hoà Thành, Q. Tân Phú, TP.HCM	Giấy ĐKKD	0303822792	23/5/2005 Thay đổi lần 15 26/10/2018	Sở KH&ĐT TP.HCM	250.000			Việt Nam

III/-Người có liên quan của cổ đông nội bộ Ông La Ngọc Thông :

1	La Văn Quyền	Cha đẻ				Đã mất						Việt Nam
2	Nguyễn Thị Sáng	Mẹ đẻ				Đã mất						Việt Nam
3	Trần Văn Lắm	Cha vợ				Đã mất						Việt Nam
4	Đỗ Thị Xinh	Mẹ vợ				Đã mất						Việt Nam
5	Trần Thị Trung Thu	Vợ	Nữ	551/IB Phạm Văn Chí, Phường 7, Quận 6, TP.HCM	CMND	020897232	30/11/1993	CA.TP.HCM				Việt Nam
6	La Ngọc Đan Thanh	Con	Nữ	551/IB Phạm Văn Chí, Phường 7, Quận 6, TP.HCM	CMND	023885658	01/06/2001	CA.TP.HCM				Việt Nam

7	La Nhật Minh		Con	Nam	14562 Newland st, Midway City CA 92655	CMND	020575253	12/05/2009	CA.TPHCM					Việt Nam
8	La Nhật Quang		Con	Nam	551/1B Phạm Văn Chí, Phường 7, Quận 6, TPHCM	CCCD	079200008333	08/11/2016	Ngày Cúc CS BKQLCT &DLQG về DC					Việt Nam
9	Lê Quang Hưng		Con rể	Nam	551/1B Phạm Văn Chí, Phường 7, Quận 6, TPHCM	CCCD	079086012099	14/8/2018	Cúc CS BKQLCT &DLQG về DC					Việt Nam
10	La Ngọc Lâm		Anh ruột	Nam	551/34E Phạm Văn Chí, Phường 7, Quận 6, TPHCM	CMND	021934367	11/6/2007	CA.TPHCM					Việt Nam
11	La Ngọc Sơn		Anh ruột	Nam	207/5/2 Bà Hom, P13, Quận 6, TPHCM	CMND	021934367	06/07/2005	CA.TPHCM					Việt Nam
12	La Thị Ngọc Sang		Em ruột	Nữ	551/1 Phạm Văn Chí, Phường 7, Quận 6, TPHCM	CMND	021934396	29/11/2006	CA.TPHCM					Việt Nam
13	La Thị Ngọc Giàu		Em ruột	Nữ	32/20 Vườn Chuối, P4, Quận 3, TPHCM	CMND	021934169	17/08/1996	CA.TPHCM					Việt Nam
14	La Ngọc Tuấn		Em ruột				Đã mất							Việt Nam
15	La Ngọc Hiệp		Em ruột	Nam	45/56 Bình Tiên, Phường 7, Quận 6, TPHCM	CMND	022047983	23/05/2012	CA.TPHCM					Việt Nam
16	La Thị Mỹ Ngọc		Em ruột	Nữ	551/1 Phạm Văn Chí, Phường 7, Quận 6, TPHCM	CMND	022347296	29/11/2006	CA.TPHCM					Việt Nam
17	La Ngọc Triệu		Em ruột	Nam	551/1A Phạm Văn Chí, P. 7, Quận 6, TPHCM	CMND	022801261	05/01/1994	CA.TPHCM					Việt Nam
18	Lê Thị Dung		Chị dâu	Nữ	551/34E Phạm Văn Chí P7, Q6, TP.HCM	CMND	020878276	19/6/2007	CA.TP.HCM					Việt Nam
19	Nguyễn Thị Công		Chị dâu	Nữ	207/5/2 Bà Hom, P13, Quận 6, TPHCM	CCCD	079160010298	15/1/2020	Cúc CS QLHCV TTXH					Việt Nam
20	David Neal Chessey		Em rể	Nam	551/1 Phạm Văn Chí, Phường 7, Quận 6, TPHCM		488052023	20/8/2012	California-Mỹ					USA
21	Nguyễn Kim Tùng		Em rể	Nam	32/20 Vườn Chuối, P4, Quận 3, TPHCM	CMND	021562819	04/1/2011	CA.TP.HCM					Việt Nam

[illegible]

	Minh Thành			Nam			Nam						
15	Nguyễn Duy Lân		Anh rể	Nam	Tổ 121 Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	CMND	201016994	20/2/2014	CA. T. Quảng Nam				Việt Nam
16	Trần Văn Diều		Anh rể	Nam	Khởi 2 Thanh Hà, Tp. Hội An, Quảng Nam	CMND	205829023	21/12/2010	Cục CS QLQT CT và DLQG về DC				Việt Nam
17	Huỳnh Thị Bảo Ngọc		Chị dâu	Nữ	272/21/12 Tô Hiến Thành, P13, Quận 10, TP.HCM	CCCD	049168000191	4/6/2018					Việt Nam
18	Nguyễn Thị Bé		Chị dâu	Nữ	Bàu Óc, Cẩm Hà, Tp.Hội An, Quảng Nam	CMND	205099174						Việt Nam
19	Công ty CP Dịch Vụ Giáo Dục Trí Đức		Tổng Giám Đốc		1333A Thoại Ngọc Hầu, P. Hòa Thành, Q.Tân Phú, TP.HCM	Giấy ĐKKD	0303822792	23/5/2005 Thay đổi lần 15 26/10/2018	Sở KH&ĐT HCM	250.000	0.83%		Việt Nam
20	Công ty CP DV GD Hồng Ngọc		Chủ tịch HĐQT		58/4 Lũy Bán Bích, P.Tân Thới Hòa, Q. Tân Phú, TP. HCM	Giấy ĐKKD	0312346275	01/07/2013	Sở KH&ĐT HCM				Việt Nam
21	Công ty CP DV GD Đức Nhân		Chủ tịch HĐQT		TT DVKH-Cy CP Long Hậu, Ấp 3, xã Long Hậu, H. Cần Giuộc, Tỉnh Long An	Giấy ĐKKD	1101889316	06/08/2019	Sở KH&ĐT HCM				Việt Nam

1	Trần Thanh Bường		Cha đẻ	Nam	Áp An Lợi, xã An Hòa, Trảng Bàng, Tây Ninh	CMND	290217995	26/5/2011	CA Tây Ninh				Việt Nam
2	Huỳnh Thị Quỳt		Mẹ đẻ				Đã mất						Việt Nam
3	Lê Văn Lâm		Cha chồng	Nam	Áp Tân Quới, Tân Lý Đông, Châu Thành, Tiền Giang	CMND	310443594	10/10/2009	CA Tiền Giang				Việt Nam
4	Nguyễn Thị Nhung		Mẹ chồng	Nữ	Áp Tân Quới, Tân Lý Đông, Châu Thành, Tiền Giang	CMND	310443570	10/10/2009	CA Tiền Giang				Việt Nam
5	Lê Minh Khoa		Chồng	Nam	B6,6 C/c 155 Nguyễn Chí Thanh, P.9, Q.5, Tp.HCM	CCCD	082076000406	21/3/2019	Ngân Cục CSQLHC về TTXH				Việt Nam
6	Lê Trần Khánh		Con đẻ	Nam	B6,6 C/c 155 Nguyễn Chí Thanh, P.9, Q.5, Tp.HCM	CCCD	082202000044	30/11/2016	Cục CSQLHC về TTXH				Việt Nam
7	Lê Trần Thanh Nhi		Con đẻ	Nữ	B6,6 C/c 155 Nguyễn Chí Thanh, P.9, Q.5, Tp.HCM	CCCD	082305000062	20/8/2019	Cục CSQLHC về TTXH				Việt Nam
8	Trần Thị A		Chị ruột				Đã mất						Việt Nam

9	Trần Thị Kim Ba		Chị ruột	Nữ	Ấp Chánh, xã Gia Bình, Trảng Bàng, Tây Ninh	CMND	290229397	03/6/2004	CA Tây Ninh				Việt Nam
10	Trần Quang Cẩm		Anh ruột	Nam	Ấp Lộc Trát, Gia Lộc, Trảng Bàng, Tây Ninh	CCCD	072055000467	21/12/2016	Ngay Cục CSQLHC về TTXH				Việt Nam
11	Trần Thị Kim Thịnh		Chị ruột	Nữ	KP3, phường 2, Thị xã Tây Ninh	CMND	290024407	22/6/2007	CA Tây Ninh				Việt Nam
12	Trần Hữu Thanh		Anh ruột	Nam	Ấp Lộc Trát, xã Gia Lộc, Trảng Bàng, Tây Ninh	CMND	290318531	02/1/2008	CA Tây Ninh				Việt Nam
13	Trần Văn Hữu		Anh ruột	Nam	Ấp Hòa Bình, xã An Hòa, Trảng Bàng, Tây Ninh	CMND	290134653	09/10/2014	CA Tây Ninh				Việt Nam
14	Trần Thành Thông		Anh ruột	Nam	Ấp An Lợi, xã An Hòa, Trảng Bàng, Tây Ninh	CMND	290217999	14/10/2011	CA Tây Ninh				Việt Nam
15	Trần Trọng Khiêm		Anh ruột	Nam	Ấp Hòa Hưng, An Hòa, Trảng Bàng, Tây Ninh	CMND	290361542	10/10/2014	CA Tây Ninh				Việt Nam
16	Trần Thị Kim Thoa		Chị ruột	Nữ	Ấp Hòa Bình, xã An Hòa, Trảng Bàng, Tây Ninh	CMND	290361365	20/11/2011	CA Tây Ninh				Việt Nam
17	Trần Chí Nhơn		Anh ruột	Nam	Ấp Lộc Trát, xã Gia Lộc, Trảng Bàng, Tây Ninh	CCCD	072069001497	23/6/2017	Cục CSQLHC về TTXH				Việt Nam
18	Trần Thị Kiều Oanh		Chị ruột	Nữ	Ấp Lộc Trát, xã Gia Lộc, Trảng Bàng, Tây Ninh	CCCD	072170001808	23/6/2017	Cục CSQLHC về TTXH				Việt Nam
19	Trần Trọng Nghiệp		Anh ruột	Nam	Ấp An Lợi, xã An Hòa, Trảng Bàng, Tây Ninh	CMND	290495971	11/11/2008	CA Tây Ninh				Việt Nam
20	Huỳnh Văn Rô		Anh rể	Nam	Ấp 3, xã Bến Củi, huyện Dương Minh Châu, Tây Ninh	CMND	290230976	30/5/2006	CA Tây Ninh				Việt Nam
21	Dương Tấn Tài		Anh rể	Nam	Ấp Chánh, xã Gia Bình, Trảng Bàng, Tây Ninh	CMND	290229398	02/07/2014	CA Tây Ninh				Việt Nam
22	Nguyễn Thị Xịch		Chị dâu	Nữ	Ấp Lộc Trát, Gia Lộc, Trảng Bàng, Tây Ninh	CMND	290240526	07/8/2011	CA Tây Ninh				Việt Nam
23	Nguyễn Hồng Khanh		Anh rể	Nam	KP3, phường 2, Thị xã Tây Ninh	CCCD	072052000820	15/5/2019	Cục CSQLHC về TTXH				Việt Nam
24	Trần Thị Kiều		Chị dâu	Nữ	Ấp Lộc Trát, xã Gia Lộc, Trảng Bàng, Tây Ninh	CMND	290229398	07/8/2011	CA Tây Ninh				Việt Nam
25	Nguyễn Thị Kim Tinh		Chị dâu	Nữ	Ấp Hòa Bình, xã An Hòa, Trảng Bàng, Tây Ninh	CMND	290222724	06/1/2009	CA Tây Ninh				Việt Nam
26	Lê Thị Truong		Chị dâu	Nữ	Ấp An Lợi, xã An Hòa, Trảng Bàng, Tây Ninh	CCCD	072164000499	07/4/2016	Cục CSQLHC về TTXH				Việt Nam
27	Trần Thị Ich		Chị dâu	Nữ	Ấp Hòa Hưng, An Hòa, Trảng Bàng, Tây Ninh	CCCD	072168001494	25/5/2017	Cục CSQLHC				Việt Nam

[illegible]

11	Nguyễn Văn Kim		Anh rể	Nam	Định cư Đức							Việt Nam
12	Huỳnh Văn Em		Anh rể	Nam	139/214 KB Lý Chính Thắng P.7 Q.3	074051000044						Việt Nam
13	Đặng Tân Tài		Em rể	Nam	Định cư Mỹ							Việt Nam
14	Marcela		Em dâu	Nữ	Định cư Đức							Việt Nam
15	Hồ Minh Nguyệt		Em dâu	Nữ	Định cư Mỹ							Việt Nam
16	Nghiêm Bảo Hạnh Lan		Em dâu	Nữ	Định cư Canada							Việt Nam
17	Đặng Thị Mộng Vân		Em dâu	Nữ	Định cư Canada							Việt Nam

1	Nguyễn Minh Tâm		Chưa ruột	Nam	5B Đồng Sơn, P.7, Q. Tân Bình, TP.HCM	CCCD	079079011170	05/03/2020	Cục CS BKQL Cư Trú và DLQG về dân cư	402.144	1.34%		Việt Nam
2	Nguyễn Thị Xiem		Mẹ ruột	Nữ	5B Đồng Sơn, P.7, Q. Tân Bình, TP.HCM	CCCD	079053000639	09/08/2016	Cục CS BKQL Cư Trú và DLQG về dân cư				Việt Nam
3	Nguyễn Thụy Vân Khanh		Chị ruột	Nữ	15 Đồng Sơn Phường 7 Quận Tân Bình	CMND	023287890	18/03/1995	CA.TP.HCM				Việt Nam
4	Trần Hưng Lộc		Anh rể	Nam	15 Đồng Sơn Phường 7 Quận Tân Bình	CMND	023139192	30/7/2012	CA.TP.HCM	636.000	2.12%		Việt Nam
5	Nguyễn Trung Hiếu		Em ruột	Nam	5B Đồng Sơn, P.7, Q. Tân Bình, TP.HCM	CMND	023287890	18/12/2013	CA.TP.HCM	56.818	0.19%		Việt Nam
6	Võ Nguyệt Thùy Vân		Em dâu	Nữ	5B Đồng Sơn Phường 7 Quận Tân Bình	CMND	280759194	05/5/2009	CA.TP.HCM	2.500.000	8,33%		Việt Nam
7	Lê Thị Minh Thanh		Vợ	Nữ	12 Nguyễn Trãi, P.3, Quận 5, TPHCM	CMND	023638950	05/09/1998	CA.TP.HCM	1.401.988	4.67%		Việt Nam
8	Nguyễn Lê Minh Đức		Con ruột	Nam	5B Đồng Sơn, P.7, Q. Tân Bình, TP.HCM								Việt Nam
9	Nguyễn Lê Minh Thủy		Con ruột	Nữ	5B Đồng Sơn, P.7, Q. Tân Bình, TP.HCM								Việt Nam
10	Lê Minh		Ba vợ				Đã mất						Việt Nam

[illegible]

10	Nguyễn Hà Bảo Châu	Con	Nữ	231/44 Dương Bá Trạc, P.1, Q.8, TP. HCM	CCCD	079306001615	30/06/2020	Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH					Việt Nam
11	Nguyễn Hà Minh Khang	Con	Nam	231/44 Dương Bá Trạc, P.1, Q.8, TP. HCM									Việt Nam
12	Nguyễn Văn Dân	Cha chồng				Đã mất							Việt Nam
13	Nguyễn Thị Oanh	Mẹ chồng	Nữ	100A/10 Dương Bá Trạc, P.2, Q.8, TP. HCM	CMND	021973658	16/10/2012	CA TP. HCM					Việt Nam
14	Nguyễn Tấn Ba	Anh rể	Nam	76 Võ Xán, P.Bình Định, TX. An Nhơn, Tỉnh Bình Định	CMND	210374481	17/08/2006	CA Tỉnh Bình Định					Việt Nam
15	Nguyễn Văn Bền	Anh rể	Nam	27 Phùng Hưng, phường Duy Tân, TP Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	CMND	233051602	08/01/2008	CA Tỉnh Kon Tum					Việt Nam
16	Lương Thị Ngọc Thúc	Chị dâu	Nữ	50 Nguyễn Công Trứ, P. Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn	CMND	210158813	18/05/2004	CA Tỉnh Bình Định					Việt Nam
17	Nguyễn Thu Hằng	Chị dâu	Nữ	137/61 Lê Văn Sỹ, P.13, Quận Phú Nhuận, TP. HCM	CMND	023820006	15/10/2009	CA TP. HCM					Việt Nam

IX/Người có liên quan của cổ đông nội bộ Bà Lê Nguyễn Hương Dương :

1	Lê Đại Trí	Cha đẻ	Nam	56 Đường S7, P. Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. HCM	CMND	080053000087	17/11/2016	TP. HCM					Việt Nam
2	Nguyễn Thị Lèo	Mẹ đẻ	Nữ	15 Nguyễn Văn Rành, phường 7, Tân An, Long An	CMND	300023688	12/03/2014	CA Long An					Việt Nam
3	Lê Đại Dương	Em ruột	Nam	Texas, Mỹ		648925049	18/12/2019	USA					Việt Nam
4	Vũ Lê Trúc Quỳnh	Con ruột	Nữ	56 Đường S7, P. Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. HCM									Việt Nam
5	Công ty CP Dịch Vụ Giáo Dục Trí Đức	TV HĐQT		1333A Thoại Ngọc Hầu, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP. HCM	Giấy ĐKKD	0303822792	23/5/2005 Thay đổi lần 15 26/10/2018	Sở KH&ĐT HCM					Việt Nam

PHỤ LỤC 2: GIẢI TRÌNH

VỀ NỘI DUNG CHI TIẾT CHỈNH SỬA ĐIỀU LỆ VÀ QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ

Điều-khoản- điều chỉnh/bổ sung	Nội dung tại Điều Lệ lần thứ 12 (ban hành ngày 08/1/2020)	Đề xuất thay đổi, điều chỉnh, bổ sung cụ thể như sau:	Lý do điều chỉnh
Điều 1: Giải thích thuật ngữ	a. Khoản a : "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này; Khoản b: "Luật Doanh Nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014 Khoản c: " Luật Chứng Khoán" là Luật Chứng Khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010 Khoản e: "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty; khoản f: "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại <u>khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 5 Luật Chứng Khoán</u> Khoản g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại <u>khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán</u>	a. "Vốn điều lệ" của công ty cổ phần là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán hoặc đã được đăng ký mua..... b. "Luật Doanh Nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (viết tắt là Luật DN) c. Luật Chứng Khoán" là Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 Bổ định nghĩa "Người điều hành doanh nghiệp" Thay thế bằng: Khoản e: "Người quản lý doanh nghiệp" tại công ty bao gồm Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Phó tổng đốc, Kế toán trưởng. Khoản f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật DN Khoản g. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành.	Theo khoản 1 điều 112 luật DN 2020 Theo khoản 24 điều 4 luật DN 2020 Theo khoản 23 điều 4 luật DN 2020 Theo khoản 18 Điều 4 Luật CK 2019
CHƯƠNG IV: Điều 7: Chứng nhận cổ phiếu	Khoản 2: Cổ phiếu là chứng chỉ do cty phát hành, bút toán.....quy định tại <u>khoản 1 điều 120 Luật DN.</u>	Khoản 2: Cổ phiếu là chứng chỉ do cty phát hành..... quy định tại <u>khoản 1 điều 121 Luật DN .</u>	Tham chiếu theo thứ tự của Luật DN 2020
Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần	1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng Cổ phiếu niêm yết,.....thị trường chứng khoán. 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển	Bổ sung: 3. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên	Tham chiếu Điều 127 Luật

	nhượng.....theo quy định của của pháp luật.	<i>nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký.</i> <i>4. Trường hợp cổ đông tặng cho cổ phần, cổ đông là cá nhân chết .v.v. thì thực hiện thủ tục theo quy định theo quy định của pháp luật hiện hành</i>	DN 59/2020/QH14
Bổ sung thêm: Điều 11: Điều 12: Điều 13		Bổ sung thêm điều khoản: Điều 11: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông Điều 12: Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty Điều 13: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	Bổ sung theo: Điều 132+133+134 Luật DN
Chương V: Điều 11:	Điều 11: Cơ cấu tổ chức... Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1.Đại hội đồng cổ đông; 2.Hội đồng quản trị; <i>* Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị;</i> 3.Tổng giám đốc.	Thay đổi số thứ tự: <u>Điều 14:</u> Cơ cấu tổ chức, quản lý: Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: 1.Đại hội đồng cổ đông; 2.Hội đồng quản trị; * <u>Ủy Ban Kiểm Toán</u> trực thuộc Hội đồng quản trị; 3.Tổng giám đốc.	Theo Khoản b Điều 133 Luật DN
Chương VI: Điều 12.	Điều 12. Quyền của cổ đông 1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụđã góp vào Công ty. 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông..... bỏ phiếu từ xa; b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ [5%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất (06) sáu tháng có các quyền sau: a.... b...	Điều chỉnh số thứ tự: <u>Điều 15.</u> Quyền của cổ đông 1. Cổ đông là người chủ sở hữu... 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây: <i>...thay thế nội dung theo khoản 1 điều 115 Luật DN...</i> 3.Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền sau đây: ..thay thế nội dung theo khoản 1 điều 115 Luật DN.... 4.Bổ sung thêm: - Khoản 3+4+5 điều 115 Luật DN	Điều 115 Luật DN

Điều 13:	Nghĩa vụ của cổ đông	Điều chỉnh thành Điều 16: Bổ sung thêm : khoản 1,2,3,4,5 của Điều 119 Luật DN vào; Các nội dung khác giữ nguyên	Điều 119 Luật DN
Điều 14:	Điều 14: Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.....năm tài chính. 2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và....Trường hợp..... đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan. 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 4. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường.....	Điều chỉnh thành: Điều 18: Các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông 1. <i>giữ nguyên</i> 2. Bỏ nội dung cũ và thay thế bằng: Khoản 3 Điều 139 Luật DN 3. <i>giữ nguyên</i> 4. <i>giữ nguyên (thay Ban Kiểm Toán Nội bộ = Ủy Ban Kiểm Toán)</i>	Theo khoản 3- Điều 139 Luật DN
Điều 15:	Điều 15: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:.... 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua các quyết định về các vấn đề sau: a)...b)...c)... n) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản	Điều 18: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông Thay thế khoản 1 và 2 theo nội dung của khoản 1 và 2 điều 138 Luật DN Khoản 2, mục n.. điều chỉnh như sau: <i>n) Đại hội Đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:</i> - Các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan quy định tại khoản 1 điều 167 Luật DN, có giá trị lớn hơn [35%] tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. - Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn [10%] tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.	Điều 138 Luật DN Theo điều 167 Luật DN
Điều 18: Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ	Điều 18: Triệu tập họp.... 1. Hội đồng quản trị...	Điều 21: Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất	

	2. Người triệu tập họp phải thực hiện các việc sau.... a) Chuẩn bị danh sách cổ đông...được lập không sớm hơn (07) ngày trước ngày gửi thông báo... ...b)...c)... 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc.... 5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ.... Có quyền từ chối kiến nghịnếu thuộc một trong các trường hợp sau: a)... b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [10%] cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng.....	thường. 2. Người triệu tập họp phải thực hiện các việc sau.... a) Lập danh sách cổ đông...được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....chậm nhất 21 ngày.... 5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ ...có quyền từ chối...nếu thuộc một trong các trường hợp sau: a).. b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên.	Khoản 1, Điều 140 Luật DN Khoản 4, điều 140 Luật DN Khoản 1 điều 141 Luật DN Khoản 1 điều 143 Luật DN Khoản 2 điều 115 Luật DN
Điều 20:	Điều 20: Thể thức tiến hành cuộc họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ	Điều 23: Thể thức tiến hành... Điều chỉnh như sau: *Thay khoản 3 bằng khoản 5 điều 146 *Thay khoản 8+9 bằng khoản 7+8 điều 146	Điều 146 Luật DN 59/2020/QH14
Điều 21:	Điều 21: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 24: Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông *Bổ sung Khoản 1 nội dung theo khoản 1 điều 148 Luật DN * Bỏ khoản 3	Điều 148 Luật DN 59/2020/QH14
Điều 22:	Điều 22: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ Khoản 2: HĐQT phải chuẩn bị lấy ý kiến.....mười lăm (15) ngày.....	Điều 25: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ Khoản 2: HĐQT phải chuẩn bị lấy ý kiến.....mười (10) ngày.....	Khoản 2, Điều 149 Luật DN
Chương VII	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Bổ sung 1 điều khoản: Điều 28: Cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	Nội dung theo Điều 155 Luật DN

Điều 25	Điều 25: Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT Khoản 2: Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị...	Điều 29: Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT Khoản 2: Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông <u>từ 15% tổng số cổ phần quy định tại khoản 5 điều 15</u> có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên..	
Điều 27	Điều 27: Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT 1.	Điều 31: Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT Khoản 2: thay thế nội dung đang có bằng quy <u>định tại khoản 2- điều 153 luật doanh nghiệp.</u>	Khoản 2- điều 153 Luật DN
Điều 29	Điều 29: Chủ tịch HĐQT	Điều 33: Chủ tịch HĐQT Thay thế toàn bộ bằng Điều 156 luật doanh nghiệp	
		Bổ sung thêm: Điều 35: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế bổ sung thành viên HĐQT	Theo điều 160 Luật DN
		Bổ sung thêm: Điều 37: Ủy Ban Kiểm Toán	Theo điều 161 Luật DN
CHƯƠNG VIII	CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC Điều 34: Người điều hành doanh nghiệp => BỎ	CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC Bổ sung thêm: Điều 40: Tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng Giám Đốc	Theo khoản 5 điều 162 Luật DN
Điều 35	Điều 35: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc: Khoản 3: Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau... Bỏ mục a,b,c,d,e,f Khoản 4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm....khi được yêu cầu.	Điều 41: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc: Khoản 3: Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây: <i>Thay thế bằng khoản 3, điều 162</i> Khoản 4: bổ sung thêm nội dung khoản 4 điều 162 Luật DN: Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.	

		Bổ sung thêm: CHƯƠNG IX: CÔNG KHAI LỢI ÍCH LIÊN QUAN VÀ CHẤP THUẬN HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN. Bổ sung thêm 02 điều: <u>Điều 42:</u> Công khai các lợi ích liên quan <u>Điều 43:</u>Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan	Điều 164 luật doanh nghiệp Điều 167 luật doanh nghiệp
CHƯƠNG IX	CHƯƠNG IX: Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác	CHƯƠNG X: Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người <u>quản lý</u> <u>Bổ sung điều:</u> <u>Điều 44:</u>Trách nhiệm của người quản lý công ty Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người <u>quản lý</u>...của công ty	Điều 165 luật doanh nghiệp
Điều 36	Điều 36: trách nhiệm cẩn trọng=> BỎ Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành...của công ty		
Điều 37	Điều 37: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1... 2..BỎ	<u>Điều 45:</u> Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	
Điều 38	3. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của công ty....khác Điều 38: Trách nhiệm về bồi thường thiệt hại	3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người <u>quản lý</u> khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị <u>trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan hoặc có sửa đổi, bổ sung những lợi ích đã báo cáo</u>, tất cả các lợi ích có thể gây xung đột ... khác. Điều 46: trách nhiệm về bồi thường thiệt hại Thay các chữ “người điều hành” thành “ người quản lý”	Bổ sung khoản 3 điều 164
CHƯƠNG X	CHƯƠNG X: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	<u>CHƯƠNG XI: QUYỀN KHÔI KIẾN VÀ ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</u> Bổ sung thêm điều khoản: Điều 47:Quyền khôi kiện đối với	

		thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc	Bổ sung theo điều 166 luật doanh nghiệp
CHƯƠNG XIV	CHƯƠNG XIV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	CHƯƠNG XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN: Bổ sung thêm điều khoản: <u>Điều 54: Trách nhiệm công bố thông tin</u>	theo khoản 2 điều 176
CHƯƠNG XX	CHƯƠNG XX: NGÀY HIỆU LỰC	<u>CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC:</u> <u>Điều 64: ngày hiệu lực</u> 1. <u>Bản điều lệ này gồm 21 chương 64 điều....</u>	

PHẦN 2: CHỈNH SỬA QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

Điều-khoản- điều chỉnh/bổ sung	Nội dung tại Quy chế nội bộ về Quản trị lần thứ 3 (ban hành ngày 08/1/2020)	Đề xuất thay đổi, điều chỉnh, bổ sung cụ thể như sau:	Lý do điều chỉnh
Căn cứ pháp lý	- Căn cứ pháp lý liên quan đến Luật DN 2014 và Luật Chứng khoán 2006 và các thông tư, nghị định liên quan hướng dẫn thực hiện - Các điều khoản tham chiếu đến luật tại các điều khoản trong quy chế	1.Điều chỉnh căn cứ pháp lý gồm Luật DN 59/2020/QH14 và Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 2.Điều chỉnh, cập nhật các điều khoản tham chiếu đến luật cũ sang điều khoản tham chiếu quy định tại Luật mới: tại điều 1; 4;15;24; 28 3. Điều chỉnh các điểm tham chiếu theo Điều lệ công ty (bản mới sửa đổi) để đúng số thứ tự tại các điều 4;8;14;15;	Cập nhật quy định pháp luật hiện hành
Điều 1: ý nghĩa và phạm v điều chỉnh	Điều 1: Điều 1: ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh 1.Quy chế này được xây dựng theo mẫu quy định tại thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017.... 2....	Điều chỉnh: Bỏ khoản 1	Vì Luật Chứng Khoán 2019 chưa có nghị định thông tư hướng dẫn mới;

Điều 6: trình tự triệu tập ĐHĐCĐ	Điều 6: Trình tự triệu tập ĐHĐCĐ 1.Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp: -Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập trong thời gian 07 ngày trước ngày phát hành thông báo... 4. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả cổ đông.....chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc....	Điều chỉnh 1.Danh sách cổ đông.... 10 ngày..... 4. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi.....chậm nhất 21 ngày trước ngày...	Cập nhật Luật DN
Điều 17: Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT	Điều 17: Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	Điều 17: điều chỉnh thay thế như sau: Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông từ [5]% tổng số cổ phần quy định tại khoản 5 điều 15 có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	Điều chỉnh theo khoản 2 điều 29 Điều lệ

Điều 19: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	Điều 19. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT 1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. b. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng. c. Có đơn xin từ chức. d. Chết, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc kết án tù giam... e. Công ty bị phá sản, giải thể. f. Cổ đông là tổ chức kết thúc hoạt động hoặc cổ đông đó thay đổi người đại diện theo ủy quyền đang là thành viên HĐQT. 2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.	Điều 19. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT 1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp. b. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận c. Chết, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc kết án tù giam... d. Công ty bị phá sản, giải thể. 2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây: a. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng. b. Cổ đông là tổ chức kết thúc hoạt động hoặc cổ đông đó thay đổi người đại diện theo ủy quyền đang là thành viên HĐQT	Cập nhật điều 160 Luật DN và điều lệ
Điều 27: Thành lập và hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ	Điều 27: Thành lập và hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ 1. Tiêu chuẩn của thành viên Ban Kiểm toán nội bộ: 2. Cơ cấu của Ban KTNB 3. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban KTNB	Điều 27. Thành lập và Hoạt động của Ủy Ban Kiểm Toán 1. Ủy Ban Kiểm Toán là cơ quan chuyên môn của thuộc HĐQT, cơ cấu có từ 02 thành viên trở lên. 2. Tiêu chuẩn của Thành viên Ủy Ban Kiểm Toán: - Chủ tịch của Ủy Ban Kiểm Toán phải là thành viên độc lập HĐQT - Các thành viên viên của Ủy Ban Kiểm Toán phải là thành viên HĐQT không điều hành 3. Quyền hạn và trách nhiệm của Ủy Ban Kiểm Toán: a) Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty; b) Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro; c) Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt	Cập nhật quy định tại điều 161 Luật DN

		của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; d) Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty; *Từ khoản h, l, j, k khoản 3 và khoản 4: bỏ	
Điều 28:	Điều 28: Các tiêu chí để lựa chọn người quản lý công ty 1. Người quản lý công ty: bao gồm các chức danh chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc điều hành và những người được TGD ủy quyền (bằng văn bản) được nhân danh công ty ký kết một số giao dịch cụ thể theo ủy quyền	Điều 28: Các tiêu chí để lựa chọn người quản lý công ty 1. Người quản lý công ty: bao gồm các chức danh chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc điều hành, phó Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng.	Cập nhật theo điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		301.438.821.576	441.718.928.973
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	120.445.435.710	75.999.821.434
1. Tiền	111		35.445.435.710	35.999.821.434
2. Các khoản tương đương tiền	112		85.000.000.000	40.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		140.500.000.000	180.000.138.889
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	140.500.000.000	180.000.138.889
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.616.148.310	74.941.839.196
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	15.979.440.797	49.836.509.938
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.140.312.529	5.354.698.509
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	19.528.589.760	19.752.130.749
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(32.194.776)	(1.500.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.387.082.469	109.781.372.186
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.387.082.469	109.781.372.186
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.490.155.087	995.757.268
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.490.155.087	104.727.273
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	891.029.995
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

ẤN
XU
DỊCH
V.B/A

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		840.448.149.012	699.411.821.651
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.719.707.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	14.115.602.131	1.615.602.131
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	5.719.707.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.6	(1.115.602.131)	(1.615.602.131)
II. Tài sản cố định	220		23.449.629.869	22.653.050.286
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	23.404.907.650	22.531.661.399
- Nguyên giá	222		151.479.251.778	146.660.426.103
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(128.074.344.128)	(124.128.764.704)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	44.722.219	121.388.887
- Nguyên giá	228		337.000.000	337.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(292.277.781)	(215.611.113)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	240.187.938.300	245.888.282.385
- Nguyên giá	231		512.394.301.587	482.695.780.228
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(272.206.363.287)	(236.807.497.843)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		113.656.757.116	16.405.962.607
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.12	110.578.874.572	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	3.077.882.544	16.405.962.607
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		266.728.446.947	262.612.436.911
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	166.809.190.705	210.505.804.427
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	30.221.250.000	26.321.250.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(5.601.993.758)	(4.214.617.516)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	75.300.000.000	30.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		177.705.669.780	151.852.089.462
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	175.372.438.800	149.518.858.482
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	2.333.230.980	2.333.230.980
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.141.886.970.588	1.141.130.750.624

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		369.698.060.532	357.014.935.735
I. Nợ ngắn hạn	310		83.491.721.569	104.908.946.884
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	3.854.553.094	22.410.748.039
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		17.894.450	16.508.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	16.295.522.430	9.186.533.464
4. Phải trả người lao động	314	V.17	5.946.820.693	5.899.657.722
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18a	70.058.182	70.058.182
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch-hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19a	4.645.946.221	4.745.844.647
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	19.831.632.562	34.796.696.729
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	32.829.293.937	27.782.900.101
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		286.206.338.963	252.105.988.851
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.18b	74.651.125.043	73.031.023.729
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19b	114.960.326.726	116.731.019.105
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	96.594.887.194	62.343.946.017
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		772.188.910.056	784.115.814.889
I. Vốn chủ sở hữu	410		772.188.910.056	784.115.814.889
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	170.675.017.127	170.675.017.127
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	151.366.194.011	151.366.194.011
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	150.147.698.918	162.074.603.751
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		100.259.212.425	162.074.603.751
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		49.888.486.493	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.141.886.970.588	1.141.130.750.624



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2020


 Nguyễn Thị Ngọc Thơm
 Người lập


 Hà Thị Thu Thảo
 Kế toán trưởng



 Trần Quang Trường
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	181.989.950.294	240.153.638.039
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	840.308.128
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		181.989.950.294	239.313.329.911
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	48.838.978.894	63.190.393.464
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		133.150.971.400	176.122.936.447
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	36.565.699.580	31.122.378.154
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.395.226.279	1.795.922.027
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	717.637.168
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	40.977.773.443	47.216.384.663
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	22.146.082.720	24.276.289.194
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		105.197.588.538	133.956.718.717
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.034.844.296	645.927.962
12. Chi phí khác	32		55.060	2.006.010.522
13. Lợi nhuận khác	40		1.034.789.236	(1.360.082.560)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		106.232.377.774	132.596.636.157
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	18.843.891.281	25.206.297.908
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		87.388.486.493	107.390.338.249
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	2.533	3.234
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	2.533	3.234

Nguyễn Thị Ngọc Thơm
Người lậpHà Thị Thu Thảo
Kế toán trưởngTrần Quang Trường
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		231.024.695.200	239.455.179.976
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(54.793.639.728)	(74.488.881.778)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(25.664.173.040)	(26.401.748.419)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	(1.165.329.684)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.16	(16.858.995.225)	(27.724.833.461)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		45.832.869.761	30.498.603.128
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(63.944.007.148)	(72.317.165.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		115.596.749.820	67.855.823.962
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(65.762.457.696)	(49.561.316.139)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VII	2.970.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(233.800.000.000)	(238.000.138.889)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	228.000.138.889	160.319.794.705
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(7.265.000.400)	(50.991.632.500)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2, VI.3	51.487.849.000	36.920.350.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	35.604.783.464	22.283.678.552
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11.235.313.257	(119.029.264.271)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	90.055.700.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	7.229.595.080
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(15.623.977.386)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20, V.22	(82.397.764.125)	(71.258.436.625)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(82.397.764.125)	10.402.881.069
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		44.434.298.952	(40.770.559.240)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	75.999.821.434	116.771.627.995
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		11.315.324	(1.247.321)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	120.445.435.710	75.999.821.434

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2020



Nguyễn Thị Ngọc Thơm
Người lập



Hà Thị Thu Thảo
Kế toán trưởng



Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN
SXKD XNK DV & ĐT TÂN BÌNH
(TANIMEX)

ĐKKD

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số 01/NQ-ĐHĐCĐ

DỰ THẢO

Tân Bình, ngày 14 tháng 1 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ & ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ giấy CN ĐKKD số 0301464904 do Sở KH&ĐT TPHCM cấp lần đầu ngày 18/7/2006, điều chỉnh lần 17 ngày 25/1/2019;
- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty CP SXKD XNK DV & ĐT Tân Bình được Đại hội đồng cổ đông thông qua có hiệu lực mới nhất ngày 08/1/2020
- Căn cứ biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 số 01/BBĐHĐCĐ-2021 ngày 14/1/2021

QUYẾT NGHỊ

ĐIỀU I: Thông qua các chỉ tiêu phân phối lợi nhuận năm 2020 (từ ngày 01/10/2019 đến 30/9/2020, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Tỷ trọng	Thành tiền
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	100,0%	87.388.486.493
LỢI NHUẬN PHÂN PHỐI	100,0%	87.388.486.493
Chia cổ tức 25%/ năm	85,8%	75.000.000.000
Thù lao HĐQT và các tiểu ban		900.000.000
Thưởng vượt KH (15% LN vượt KH)		973.272.974
Quỹ khen thưởng CNV (4% LNST)	4,0%	3.495.539.460
Quỹ phúc lợi CNV (3% LNST)	3,0%	2.621.654.595
Quỹ phúc lợi XH (4% LNST)	4,0%	3.495.539.460
Lợi nhuận để lại	1,0%	902.480.004

ĐIỀU II: Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ tài chính năm 2021 (từ ngày 01/10/2020 đến 30/9/2021) gồm những nội dung cụ thể như sau:

1/ Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh NĐTC năm 2021 :

STT	Diễn giải	Thực hiện Năm 2020	Kế hoạch Năm 2021	So sánh KH/TH (%)
1	Tổng doanh thu	219.590.494.170	248.454.000.000	113,1%
2	Tổng chi phí	113.358.116.396	127.439.000.000	112,4%
3	Lợi nhuận trước thuế	106.232.377.774	121.015.000.000	113,9%
4	Lợi nhuận sau thuế	87.388.486.493	98.670.600.000	112,9%

2/ Tỷ lệ phân phối lợi nhuận NĐTC năm 2021 :

STT	CHỈ TIÊU	TRÍCH LẬP
1	Chia cổ tức	25%/ năm
2	Quỹ khen thưởng CNV	5% Lợi Nhuận Sau thuế
3	Quỹ phúc lợi CNV	3% Lợi Nhuận Sau thuế
4	Quỹ xã hội	4% Lợi Nhuận Sau thuế

ĐIỀU III : Phê duyệt ngân sách hoạt động cho Hội Đồng Quản Trị và các tiểu ban trực thuộc HĐQT năm 2021 (từ ngày 01/10/2020 đến 30/9/2021):

- Số tiền: **900.000.000 đồng** (chín trăm triệu đồng), trong đó bao gồm tiền thù lao và các chi phí hợp lý liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT và các tiểu ban.

ĐIỀU IV : Thương vượt kế hoạch **15%** trên lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch cho Ban Điều Hành và cán bộ quản lý toàn Công ty trong trường hợp kết quả thực hiện niên độ tài chính năm 2021 (từ ngày 01/10/2020 đến 30/9/2021) có lợi nhuận sau thuế vượt mức kế hoạch đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông công ty thông qua tại Đại hội thường niên năm nay.

ĐIỀU V: Thông qua việc chỉnh sửa Điều Lệ công ty (lần thứ 13) và Quy Chế Nội Bộ về Quản trị công ty (lần thứ 4) theo nội dung tờ trình và chi tiết tại tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

ĐIỀU VII: Giao Hội đồng quản trị công ty triển khai thực hiện các nội dung đã thông qua tại nghị quyết này. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký, được công bố thông tin và lưu tại trụ sở chính công ty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Chủ tịch HĐQT

Nơi nhận :

- HĐQT, Ban TGD
- Cổ đông, BKS
- Lưu HĐQT- HD- 310

Nguyễn Minh Tâm